

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



**HỘI NGHỊ**  
**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ**  
**GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM BỀN VỮNG**



*Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 3 năm 2024*



# CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

**Thời gian:** Ngày 15 tháng 3 năm 2024 (thứ sáu).

**Địa điểm:** Khách sạn Duy Tân, số 12 Hùng Vương, thành phố Huế

TT	Thời gian	Nội dung	Đơn vị thực hiện
1	08h00-08h10	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	MC...
2	08h10-08h30	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Đ/c Nguyễn Thanh Bình, PCT Thường trực UBND tỉnh
3	08h30-08h40	Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn giáo dục nghề nghiệp	Lãnh đạo Sở Nội vụ
4	08h40-08h50	Phóng sự tình hình hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban Tổ chức
5	08h50-09h10	Định hướng, xu hướng, bảo đảm, kiểm định, đánh giá, công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
6	09h10-09h30	Xu hướng việc làm dưới tác động của công nghiệp 4.0 và một số định hướng giải pháp phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động khu vực miền Trung và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
7	09h30-09h40	Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh	TS. Hoàng Bảo Hùng, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Huế
8	09h40-09h50	Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời gian đến	Đại diện lãnh đạo Công ty TNHH Đầu tư Hợp tác Quốc tế Daystar
9	09h50-10h00	Trao đổi nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng đào tạo phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp	Đại diện lãnh đạo công ty TNHH AEONMALL Huế
10	10h00-10h10	Định hướng phát triển, kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô	Đại diện lãnh đạo công ty KIM LONG Motors
11	10h10-11h00	Ý kiến các đại biểu tham dự Hội nghị	Điều hành Hội nghị
12	11h00-11h30	Phát biểu kết luận Hội nghị	Lãnh đạo UBND tỉnh

<b>TT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
1	13h30-14h00	Đón tiếp đại biểu, ổn định tổ chức	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	14h00-14h10	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Phòng Lao động – Việc làm
3	14h10-14h25	Báo cáo tình hình và định hướng giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc nước ngoài trên địa bàn tỉnh	Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
4	14h25-14h40	Định hướng giải pháp đẩy mạnh hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Chương trình EPS, Chương trình IM Japan đối với tỉnh Thừa Thiên Huế	Giám đốc Trung tâm lao động ngoài nước, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
5	14h40-14h55	Phát triển thị trường lao động, kết nối Cung Cầu lao động thông qua hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm	Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm
6	14h55-16h10	Kết quả và kinh nghiệm tổ chức tuyển truyền, đào tạo tiếng Hàn cho ứng viên có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình
7	16h10-16h30	Thông tin về chính sách hỗ trợ cho vay và quy trình giải ngân nguồn vốn đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của Ngân hàng Chính sách Xã hội và Ngân hàng NN và PTNN	Ngân hàng Chính sách Xã hội và Ngân hàng NN và PTNN
8	16h30-16h35	Tặng giấy chứng nhận, hoa các đơn vị đồng hành; mời chủ trì điều hành hội nghị	Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9	16h35-17h05	Ý kiến các đại biểu tham dự Hội nghị	Chủ trì điều hành Hội nghị
10	17h05-17h10	Phát biểu kết luận Hội Nghị	Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

## MỤC LỤC

1. **Định hướng, xu hướng, bảo đảm, kiểm định, đánh giá, công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.**  
*Tiến sĩ Phạm Vũ Quốc Bình..... 1*
2. **Xu hướng việc làm dưới tác động của công nghiệp 4.0 và một số định hướng giải pháp phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động khu vực miền Trung và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*Ông Vũ Trọng Bình..... 14*
3. **Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh**  
*Tiến sĩ Hoàng Bảo Hùng..... 27*
4. **Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**  
*Công ty TNHH Đầu tư Hợp tác Quốc tế Daystar..... 37*
5. **Nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng đào tạo phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp**  
*Trung tâm Thương mại Aeon Mall Huế..... 40*
6. **Định hướng phát triển, kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô**  
*Công ty CP Kim Long Motors Huế..... 42*
7. **Tình hình thực hiện và định hướng giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ..... 45*
8. **Định hướng giải pháp đẩy mạnh hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Chương trình EPS, Chương trình IM Japan đối với tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*Đặng Huy Hồng, Giám đốc Trung tâm Lao động ngoài nước ..... 50*

- 9. Chuyển đổi số trong hoạt động dịch vụ việc làm**  
*Ngô Xuân Liễu. Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm ..... 56*
- 10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm ..... 65**
- 11. Kết quả và kinh nghiệm tổ chức tuyên truyền, đào tạo tiếng Hàn cho ứng viên có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS**  
*Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình ..... 80*
- 12. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp (tại Hội nghị giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm bền vững năm 2024)**  
*Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh..... 88*
- 13. Hiệu quả sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động**  
*Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ..... 92*

# CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

*Định hướng, Xu hướng, Bảo đảm,  
Kiểm định, Đánh giá, Công nhận*

TS. Phạm Vũ Quốc Bình

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN

THỪA THIÊN HUẾ, THÁNG 3 NĂM 2024

## Văn bản pháp lý

- Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014;
- Nghị định 49/2018/NĐ-CP quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;
- Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Thông tư 35/2021/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí, quy trình đánh giá cao đẳng chất lượng cao;
- Chiến lược Phát triển GDNN 2021-2030.

## Định hướng

- Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia về GDNN tiếp cận “quản lý rủi ro” và đẩy mạnh “hậu kiểm”;
- Nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở GDNN và cơ quan quản lý các cấp;
- Xây dựng và áp dụng Khung bảo đảm chất lượng chất lượng GDNN quốc gia.

## Định hướng

### Mục tiêu

#### ❖ **2025:**

- ✓ 70 trường chất lượng cao
- ✓ 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4
- ✓ 03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển G20

#### ❖ **2030:**

- ✓ 90 trường chất lượng cao
- ✓ 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4
- ✓ 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển G20



## Định hướng

### Chỉ tiêu

- ❖ Chất lượng đào tạo nghề tăng 40-50 bậc theo GCI4.0
- ❖ Năm 2019: thứ hạng 102/141

**Kế hoạch 2022:** Quyết định 756/QĐ-LĐTBXH

## Định hướng

### Mục tiêu

- ❖ **2025:**
  - ✓ 70 trường chất lượng cao
  - ✓ 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4
  - ✓ 03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển G20
- ❖ **2030:**
  - ✓ 90 trường chất lượng cao
  - ✓ 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4
  - ✓ 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển G20

## Xu hướng

- **Nguyên tắc:** Tuân thủ - Giải thích (Comply or Explain)
- **Tiếp cận rủi ro:** quy định thích ứng, can dự nhẹ nhàng (light-touch) - đối xử thuận lợi hơn đối với hành vi tuân thủ và trừng phạt ngày càng nghiêm khắc hơn đối với hành vi vi phạm.
- Chuyển từ **Rule-based** sang **Principle-based**
- Tăng kiểm định **"technic"** thay vì **"general"**: ABET, ACBSP (Accreditation Council for Business Schools and Programs), AACSB (The Association to Advance Collegiate Schools of Business), APQN

## Trung tâm xuất sắc đào tạo nghề

Hình thành bởi mạng lưới đối tác phát triển "hệ sinh thái kỹ năng" địa phương nhằm:

- ✓ cung cấp kỹ năng nghề chất lượng cao cho thanh niên và người lớn
- ✓ đóng góp vào sự phát triển khu vực, đổi mới, các cụm công nghiệp, chiến lược chuyên môn hóa thông minh và hòa nhập xã hội
- ✓ chương trình Erasmus 2021-2027: 400 triệu euro để tài trợ cho 100 Trung tâm xuất sắc ĐTN

## Trung tâm xuất sắc đào tạo nghề

Mạng ENE hoạt động xung quanh 8 lĩnh vực:

- 1) Học tập dựa trên công việc
- 2) Sư phạm và phát triển nghề nghiệp
- 3) Chiêu kích khởi sự kinh doanh của sự xuất sắc
- 4) Công nghiệp 4.0 và số hóa
- 5) Tự chủ và phát triển thể chế (tài chính, lãnh đạo, quản trị)
- 6) Theo hướng xanh - Hỗ trợ các mục tiêu bền vững
- 7) Chuyên môn hóa thông minh - huy động sự đổi mới, hệ sinh thái và doanh nghiệp vừa và nhỏ
- 8) Hòa nhập xã hội và công bằng

## Trung tâm xuất sắc đào tạo nghề

Mạng ENE hoạt động xung quanh 8 lĩnh vực:

- 1) Học tập dựa trên công việc
- 2) Sư phạm và phát triển nghề nghiệp
- 3) Chiêu kích khởi sự kinh doanh của sự xuất sắc
- 4) Công nghiệp 4.0 và số hóa
- 5) Tự chủ và phát triển thể chế (tài chính, lãnh đạo, quản trị)
- 6) Theo hướng xanh - Hỗ trợ các mục tiêu bền vững
- 7) Chuyên môn hóa thông minh - huy động sự đổi mới, hệ sinh thái và doanh nghiệp vừa và nhỏ
- 8) Hòa nhập xã hội và công bằng

## Kiểm định

### Thay thế Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH

- ✓ Tăng tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở đào tạo
- ✓ Chuyển từ rule-based sang principle-based
- ✓ Hướng chuẩn đầu Khung trình độ quốc gia VQF
- ✓ Tiệm cận tiêu chuẩn Thông tư 35/2021/TT-BLĐTBXH về cao đẳng chất lượng cao
- ✓ Liên thông với Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH về bảo đảm chất lượng

## Đánh giá chất lượng cao

### Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH

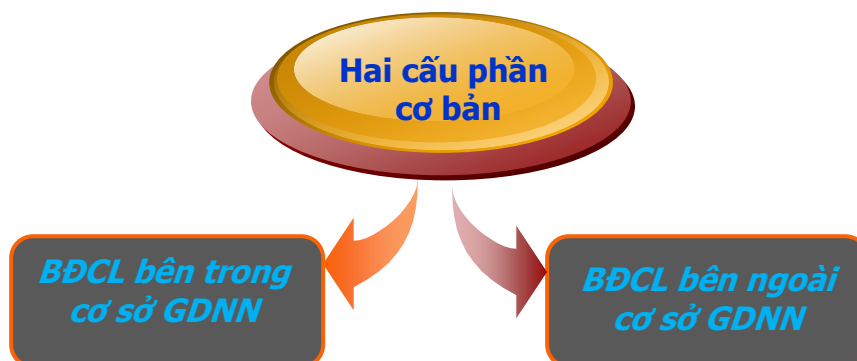
- ✓ Điều kiện cần: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- ✓ Nhà giáo: dạy chuyên môn ngành/nghề trình độ trung cấp, cao đẳng;
- ✓ “Doanh nghiệp”: Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã.
- ✓ Môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật;

## Đánh giá chất lượng cao

### Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH

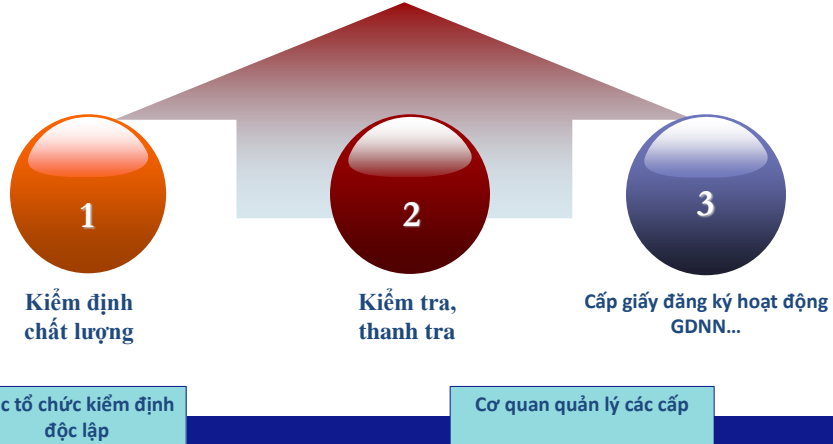
- ✓ **Hiệu trưởng:** cộng đồng và doanh nghiệp công nhận đã lãnh đạo nhà trường gắn bó chặt chẽ với các chương trình đổi mới, phát triển KT-XH địa phương, bảo đảm cung cấp lao động có kỹ năng chất lượng cao; chỉ đạo tầm chiến lược nhà trường gắn với tiến trình quốc tế hóa và đổi mới các quan hệ đối tác trong thế giới việc làm.
- ✓ Hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển các năng lực cá nhân và bảo đảm quyền lợi của HSSV, nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý;
- ✓ Hỗ trợ hiệu quả người khuyết tật hoặc phục vụ cộng đồng.

## Hệ thống bảo đảm chất lượng



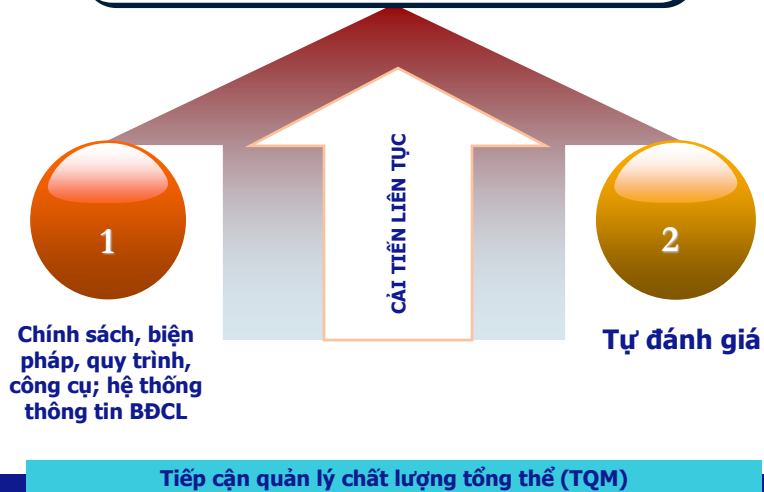
# Hệ thống bảo đảm chất lượng

## Bảo đảm chất lượng bên ngoài

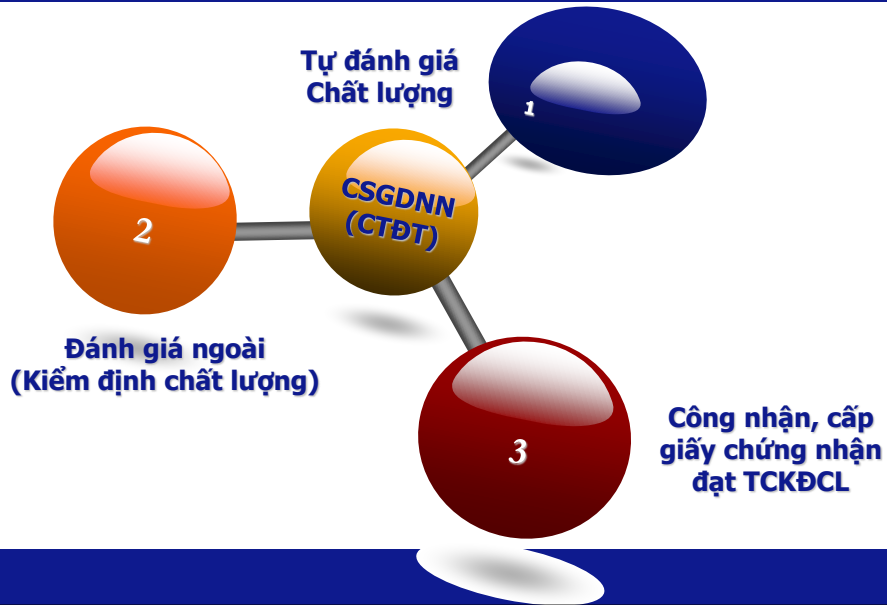


# Hệ thống bảo đảm chất lượng

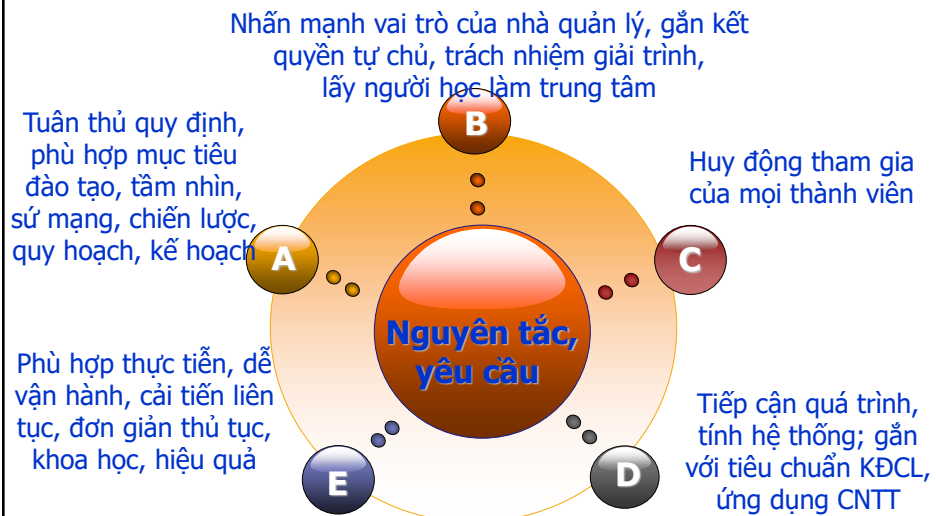
## Bảo đảm chất lượng bên ngoài



## Kiểm định chất lượng



## Nguyên tắc, yêu cầu



# Quy trình xây dựng

Chuẩn bị

Xây dựng hệ thống tài liệu

Thiết lập hệ thống thông tin

Phê duyệt và vận hành

Đánh giá, cải tiến

Stt	Bước công việc	Nội dung	Thực hiện	Phối hợp	Kết quả cần đạt/ Hồ sơ lưu
1.	<b>Xác định các vấn đề/ lĩnh vực quản lý</b>	Xác định các vấn đề quản lý trên cơ sở phân tích các yếu tố đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra đào tạo.	Các đơn vị		Danh mục các vấn đề quản lý
2.	<b>Xác định nội dung quản lý</b>	Xác định nội dung quản lý theo từng vấn đề quản lý đã được xác định.	Các đơn vị		Danh mục các nội dung quản lý
3.	<b>Xác định các hoạt động quản lý</b>	Xác định hoạt động quản lý cần thực hiện trong từng nội dung.	Các đơn vị	Đơn vị phụ trách	Danh mục các hoạt động quản lý
4.	<b>Thiết lập hệ thống tài liệu chất lượng</b>	Xây dựng các tài liệu hệ thống BDCL như: Chính sách, mục tiêu chất lượng, quyền hạn trách nhiệm; hướng dẫn và mô tả công việc...	Các đơn vị	Đơn vị phụ trách	Danh sách các tài liệu cần biên soạn Tài liệu được biên soạn theo đúng mẫu
5.	<b>Quyết định ban hành hệ thống tài liệu</b>	Ra quyết định ban hành hệ thống tài liệu BDCL nhà trường.	Hiệu trưởng		Quyết định ban hành
6.	<b>Áp dụng vận hành</b>	Áp dụng hệ thống tài liệu vào thực tiễn hoạt động của nhà trường. Thu thập hồ sơ minh chứng chứng minh quá trình thực hiện.	Các đơn vị	Phòng chức năng	Danh mục hồ sơ minh chứng theo quy định được xác định trong các tài liệu
7.	<b>Đánh giá cấp đơn vị</b>	Đơn vị thực hiện đánh giá theo các nội dung được quy định và lập báo cáo đánh giá cấp đơn vị.	Các đơn vị	Đơn vị phụ trách	Kế hoạch đánh giá Bảo cáo đánh giá hệ thống BDCL cấp đơn vị
8.	<b>Đánh giá cấp trường</b>	Đánh giá hệ thống BDCL, xác định các điểm phù hợp/ không phù hợp với yêu cầu của hệ thống BDCL. Lập báo cáo đánh giá hệ thống BDCL cấp trường.	Đơn vị phụ trách	Các đơn vị	Kế hoạch đánh giá Bảo cáo đánh giá hệ thống BDCL cấp trường
9.	<b>Triển khai hành động khắc phục</b>	Xác định nguyên nhân gốc rễ và thực hiện các hành động xử lý và khắc phục cần thiết để không lặp lại các điểm tồn tại, yếu kém.	Các đơn vị	Đơn vị phụ trách	Biên bản xác định nguyên nhân Kế hoạch khắc phục điểm yếu kém, tồn tại
10.	<b>Xem xét và đề xuất cải tiến</b>	Xem xét kết quả phân tích và đề xuất các phương án cải tiến.	Đơn vị phụ trách		Biên bản họp xem xét của lãnh đạo



## Bảng kiểm chuẩn bị xây dựng và vận hành BDCL

Nội dung	--	-	+	++
<b>Nâng cao nhận thức của cán bộ VCNV về xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng</b>	--	-	+	++
Toàn thể cán bộ VCNV của trường đã được tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa công tác bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN				
Toàn thể cán bộ VCNV của trường đã được phổ biến quy định về Hệ thống BDCL trong cơ sở GDNN				
Toàn thể cán bộ VCNV được Hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BDCL				
Toàn thể cán bộ VCNV nhà trường đã nhận thức được việc xây dựng, vận hành hệ thống BDCL góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo				
<b>Cam kết mạnh mẽ của nhà trường trong việc xây dựng và vận hành hệ thống BDCL</b>	--	-	+	++
Sự cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo				
Nhà trường đã có đơn vị phụ trách BDCL				
Đơn vị phụ trách về BDCL đã thực hiện đúng và đủ vai trò và chức năng về bảo đảm chất lượng của nhà trường				
Toàn thể cán bộ VCNV hiểu đúng về vai trò của từng cá nhân trong việc vận hành hệ thống				
Toàn thể cán bộ VCNV nhà trường đã sẵn sàng trong công tác xây dựng, vận hành hệ thống BDCL cơ sở GDNN				
<b>Vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL (dành cho các cơ sở GDNN đã xây dựng hệ thống BDCL)</b>	--	-	+	++
Hệ thống tài liệu của nhà trường phù hợp, có tính hệ thống và có tính khả thi				
Hệ thống tài liệu được xây dựng trên nguyên tắc 3S (Small, Smart, Simple)				
Các hành động phòng ngừa được chú trọng				
Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý các hoạt động của nhà trường				
Việc vận hành hệ thống BDCL được nhà trường thường xuyên giám sát, đánh giá				
Các hành động khắc phục được thực hiện triệt để				

## Phân công nhiệm vụ BDCL - Minh họa

TT	Vị trí	Chức năng, nhiệm vụ
1	Hiệu trưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của nhà trường</li> <li>Ra quyết định, chỉ đạo, kiểm soát toàn bộ hệ thống</li> <li>Phê duyệt, ban hành chính sách, chiến lược BDCL, các quy trình BDCL của nhà trường</li> </ul>
2	Phó hiệu trưởng phụ trách BDCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chính sách, chiến lược BDCL của nhà trường</li> <li>Chỉ đạo thực hiện kế hoạch cải tiến hệ thống BDCL nhằm nâng cao chất lượng đào tạo</li> <li>Phụ trách Phòng BDCL, trực tiếp xem xét, quyết định các nội dung tham mưu về công tác BDCL của Phòng trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt</li> </ul>
3	Phòng BDCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng hợp, tham mưu, triển khai thực hiện công tác BDCL của Nhà trường</li> <li>Điều phối, giám sát, thúc đẩy</li> <li>Tư vấn, theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ, giám sát việc thực hiện công tác BDCL của các đơn vị/cá nhân và của Nhà trường</li> <li>Tham mưu các hoạt động tự đánh giá chất lượng, đánh giá ngoài</li> <li>Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ, giám sát việc thực hiện công tác BDCL của các đơn vị</li> <li>Xây dựng và trình hiệu trưởng ký ban hành các văn bản liên quan công tác BDCL</li> </ul>
4	Các phòng chức năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng quy trình BDCL liên quan đến mảng chuyên môn của đơn vị mình</li> <li>Triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc công tác BDCL của đơn vị mình</li> <li>Thực hiện các nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng</li> <li>Quản lý, lưu trữ hồ sơ, minh chứng về chất lượng</li> <li>Tham gia góp ý cải tiến hệ thống BDCL của Trường.</li> </ul>
5	Các khoa/trung tâm (đơn vị đào tạo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện các nhiệm vụ BDCL liên quan đến đơn vị</li> <li>Xây dựng các quy trình BDCL liên quan đến chuyên môn của đơn vị mình (nếu có). Tham gia vận hành các quy trình BDCL liên quan đến chuyên môn của đơn vị mình</li> <li>Thực hiện các nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng và lưu trữ minh chứng liên quan đến đơn vị</li> <li>Tham gia góp ý cải tiến hệ thống BDCL của Trường</li> </ul>
6	Các bên có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham gia góp ý cải tiến hệ thống BDCL của Trường</li> </ul>

## Nội dung và trách nhiệm - Minh họa

Nội dung thực hiện	Trách nhiệm
Xây dựng chính sách, mục tiêu chất lượng và lập kế hoạch thực hiện (cấp trường, cấp đơn vị)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban giám hiệu</li> <li>- Cán bộ quản lý: Trưởng các đơn vị phòng/khoa/ Trung tâm trong nhà trường</li> <li>- Phụ trách BĐCL</li> </ul>
Xây dựng, vận hành các quy trình, công cụ BĐCL trong các lĩnh vực QLCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Giám hiệu</li> <li>- Cán bộ quản lý: Trưởng các đơn vị phòng/ khoa/ trung tâm trong nhà trường</li> <li>- Phụ trách BĐCL</li> <li>- Cán bộ, giáo viên, người lao động</li> </ul>
Xây dựng sổ tay BĐCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách BĐCL</li> <li>- Cán bộ BĐCL: Trưởng các đơn vị phụ trách xây dựng hệ thống tài liệu BĐCL</li> </ul>
Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin BĐCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách BĐCL</li> <li>- Cán bộ BĐCL: Trưởng các đơn vị phụ trách xây dựng hệ thống tài liệu BĐCL</li> <li>- Phụ trách cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin</li> </ul>
Đánh giá & cải tiến hệ thống BĐCL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Giám hiệu</li> <li>- Cán bộ quản lý: Trưởng các đơn vị, phòng/khoa/ trung tâm trong nhà trường</li> <li>- Phụ trách BĐCL</li> </ul>

## Vai trò trách nhiệm - Cơ sở GDNN

- Thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL của trường.
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động trường về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL và tự đánh giá chất lượng.
- Công bố công khai các thông tin về hệ thống BĐCL.
- Thực hiện chế độ báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền.
- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, minh chứng theo quy định về văn thư - lưu trữ và quy định đặc thù của ngành.

## Vai trò trách nhiệm - Cơ sở GDNN

### Chế độ báo cáo:

- Đơn vị phụ trách căn cứ kết quả xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BĐCL của trường, viết báo cáo theo mẫu quy định, trình người đứng đầu CSGDNN phê duyệt.
- Cập nhật vào cơ sở dữ liệu BĐCL của hệ thống thông tin quản lý nhà nước về GDNN;
- Gửi báo cáo hệ thống BĐCL cho cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có), sở LĐTĐ, Tổng cục GDNN chậm nhất vào 31/12 hằng năm.

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**CỤC VIỆC LÀM**



**XU HƯỚNG VIỆC LÀM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG  
NGHIỆP 4.0 VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP  
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, KẾT NỐI  
CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TRÊN ĐỊA  
BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Thừa Thiên Huế - 2024*



## NỘI DUNG GỒM 3 PHẦN:



- I. Thị trường lao động Việt Nam**
- II. Xu hướng việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0, kinh tế số, kinh tế xanh**
- III. Một số giải pháp phát triển thị trường lao động, kết nối cung – cầu khu vực miền Trung và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

## PHẦN I: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

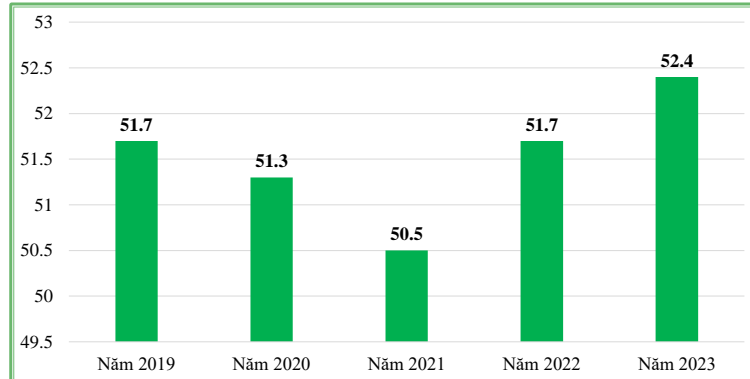


## PHẦN I: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM



**Biểu đồ 1: Lực lượng lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên**

Đơn vị: triệu người

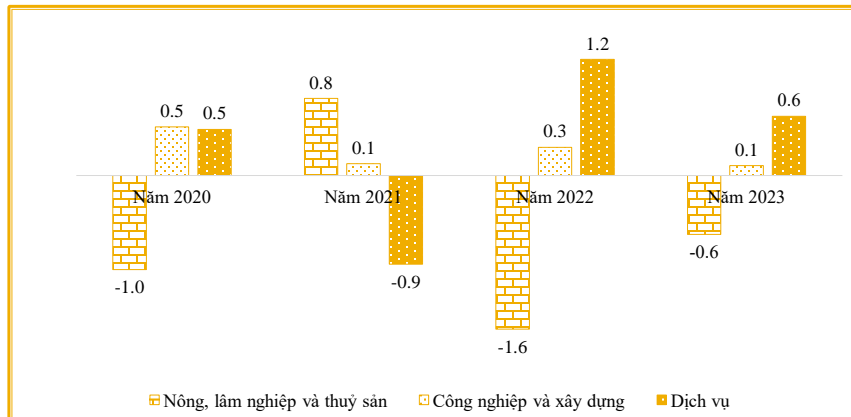


Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – Việc làm

## PHẦN I: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM



**Biểu đồ 2: Tăng/giảm tỷ trọng lao động việc làm cả nước trong khu vực kinh tế**



Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – Việc làm

## PHẦN I: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM



**Bảng 1: Tình hình lao động – việc làm vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung năm 2022**

Tỉnh/thành phố	Lực lượng lao động (Nghìn người)	Lao động có việc làm (Nghìn người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ (%)
<b>Cả vùng</b>	<b>10.661,3</b>	<b>10.415,5</b>	<b>26,7</b>
Thanh Hóa	1.975,6	1.955,3	26,4
Nghệ An	1.623,1	1.597,0	25,3
Hà Tĩnh	528,0	503,0	30,8
Quảng Bình	434,8	422,0	27
Quảng Trị	334,7	326,4	27,1
<b>Thừa Thiên Huế</b>	<b>597,6</b>	<b>578,6</b>	<b>29,8</b>
Đà Nẵng	641,8	627,1	48,5
Quảng Nam	837,5	808,7	26,7
Quảng Ngãi	674,9	664,0	25,2
Bình Định	844,5	825,8	25
Phú Yên	468,8	456,0	21,7
Khánh Hòa	671,6	651,2	25,3
Ninh Thuận	333,1	326,9	17,7
Bình Thuận	695,4	673,5	18,5

*Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – Việc làm*

## PHẦN II: XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu...

- Những yếu tố cốt lõi của Kỹ thuật số trong CMCN 4.0 sẽ là:

- + Trí tuệ nhân tạo (AI)
- + Vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT)
- + Dữ liệu lớn (Big Data)



## PHẦN II: XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



### **Kinh tế số:**

- Kinh tế số đề cập đến sự chuyển đổi của các hoạt động kinh tế truyền thống sang mô hình kinh tế dựa trên công nghệ số, trong đó dữ liệu và thông tin kinh doanh được sử dụng để tạo ra lợi ích và tăng cường hiệu suất.  
- Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất, dịch vụ, phân phối, logistics, giao thông vận tải,...

### **Kinh tế xanh:**

- Nền kinh tế xanh giúp cải thiện đời sống và công bằng xã hội, trong khi giảm đáng kể các rủi ro môi trường và khan hiếm nguồn lực sinh thái.  
- Ý nghĩa cốt lõi của kinh tế xanh là tăng trưởng kinh tế đảm bảo đồng thời hai mục tiêu là bảo vệ môi trường sống trong sạch và bền vững.



## TÁC ĐỘNG CỦA CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH TỚI VIỆT NAM



### Tác động CMCN 4.0, Kinh tế số, Kinh tế xanh





## TÁC ĐỘNG CỦA CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM



Xét trên các yếu tố

Số lượng việc làm

Chất lượng việc làm

Chất lượng nguồn nhân lực

Chuyển dịch cơ cấu lao động

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH

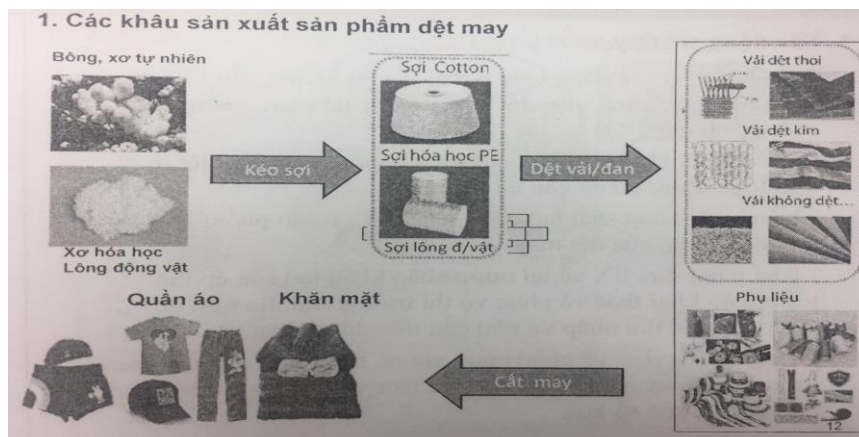


*Những công việc mang tính chất dây chuyền sẽ có xu hướng tự động hóa trong tương lai*

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



### ■ Hình 1: Các khâu của quy trình dệt may



## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



**Bảng 2: Dự báo cầu lao động theo 3 nhóm ngành kinh tế chính năm 2025**

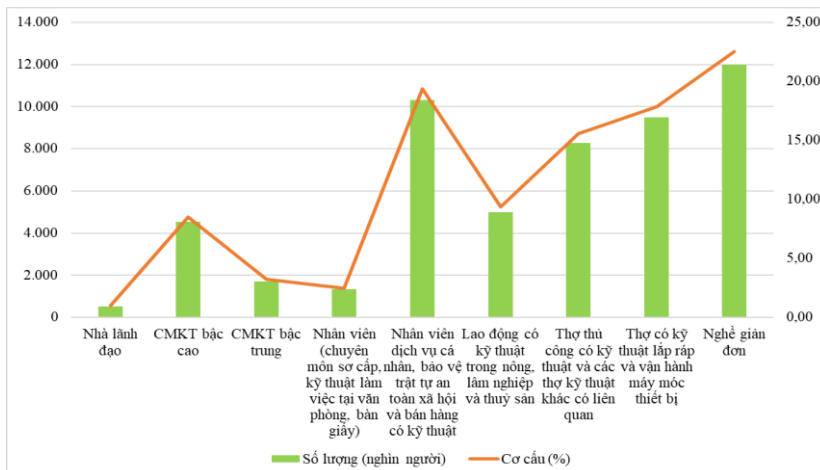
Lao động có việc làm	Năm 2025	
	Số lượng (1000 người)	Cơ cấu (%)
	<b>53.178</b>	<b>100</b>
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	13.465	25,32
Công nghiệp - Xây dựng	19.938	37,49
Thương mại - Dịch vụ	19.775	37,19

*Nguồn: Kết quả dự báo của Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm*

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



Biểu đồ 3: Dự báo cầu lao động theo nhóm nghề, năm 2025



Nguồn: Kết quả dự báo của Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



- Theo Báo cáo của WB chỉ ra rằng, ước tính tỉ lệ mất việc làm do ứng dụng công nghệ ở Việt Nam là từ 10 đến 70%;
- Báo cáo của WB khảo sát kỹ năng chỉ ra:
  - + Những việc làm có ít nguy cơ bị thay thế bởi công nghệ là những việc làm đòi hỏi cao về kỹ năng con người (như nghề quản lý), kỹ năng nhận thức bậc khó, kỹ năng đọc hiểu và toán học trình độ cao;
  - + Những việc làm yêu cầu kỹ năng toán học, đọc hiểu cơ bản có nguy cơ cao bị tự động hóa thay thế ...

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



- Theo dự báo, lĩnh vực lao động, việc làm sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. CMCN 4.0 đã tạo ra nhiều đột phá về công nghệ mới trong các lĩnh vực như sản xuất trí thông minh nhân tạo, chế tạo robot, phát triển mạng internet, công nghệ in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học. Theo đó, các công nghệ mới ra đời sẽ là sự liên kết các lĩnh vực lý - sinh; cơ - điện tử - sinh... hình thành các ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành nghề có sự liên quan đến tương tác giữa con người với máy móc.
- Với xuất hiện của công nghệ thông tin, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo... hệ thống robot, trí tuệ nhân tạo sẽ thay thế con người trong nhiều công đoạn hoặc trong toàn bộ dây chuyền sản xuất nhất là trong những ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn.
- Những ngành, lĩnh vực có **lợi thế phát triển: thông tin truyền thông, thương mại điện tử, giao thông vận tải (logistics), dịch vụ du lịch, giáo dục – đào tạo.**
- Trong tương lai, nhiều lao động trong các ngành nghề của Việt Nam có thể đối diện với **nguy cơ thất nghiệp**, ví dụ như **lao động nông nghiệp, dệt may, kế toán, lắp ráp và sửa chữa thiết bị**. Số lao động này hiện đang chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong lực lượng lao động của nước ta hiện nay.

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



- Việt Nam đang hướng đến mục tiêu tăng trưởng Xanh với sự tham gia đóng góp của nhiều ngành nghề. Mục tiêu này đang tạo ra nhu cầu ngày càng lớn về việc làm Xanh và kỹ năng Xanh trên thị trường lao động.
- Các kỹ năng Xanh, việc làm Xanh phát triển mạnh nhất trong các **lĩnh vực quản lý hệ sinh thái, chính sách môi trường và phòng ngừa ô nhiễm.**
- Các ngành có mức độ tập trung việc làm Xanh cao nhất là **điện, khí đốt và cấp nước (23%), khai mỏ (5%), dịch vụ thị trường (5%)**. Mặc dù có thể không trực tiếp cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường, các ngành này đều có các nghề Xanh. Ví dụ, kỹ sư môi trường và chuyên gia bảo vệ môi trường là các nghề nghiệp Xanh trong ngành khai mỏ. Nông nghiệp có mức độ tập trung việc làm Xanh tiềm năng cao nhất.

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



**Bảng 3: Nhu cầu tuyển dụng lao động vùng BTB và duyên hải miền Trung năm 2024**

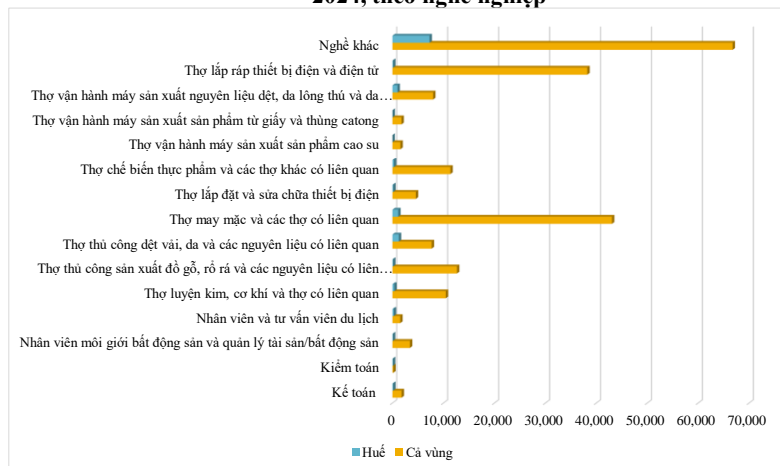
Chỉ tiêu		Cả vùng	Thừa Thiên Huế
Số DN, tổ chức có nhu cầu tuyển dụng LĐ (doanh nghiệp)		6.316	568
Số lượng lao động cần tuyển dụng (lao động)		220.255	13.339
Giới tính	Nam	94.094	6.254
	Nữ	126.161	7.085
Ngành	Nông – lâm – ngư nghiệp	18.788	1.124
	Công nghiệp	138.104	6.295
	Dịch vụ	63.363	5.920

*Nguồn: Kết quả tổng hợp từ các TT DVVL*

## XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG BỐI CẢNH CMCN 4.0, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ XANH



**Biểu đồ 4: Nhu cầu tuyển dụng lao động vùng BTB và duyên hải miền Trung năm 2024, theo nghề nghiệp**



*Nguồn: Kết quả tổng hợp từ các TT DVVL*

**PHẦN III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
LAO ĐỘNG, KẾT NỐI CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG  
VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**\*BỐI CẢNH**

- Sau hơn 35 năm đổi mới đất nước, thị trường lao động Việt Nam đã có bước phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số tập trung chủ yếu số hóa, công nghệ robot và tự động hóa. Vì vậy, xu hướng máy móc thay dần sức lao động của con người là chủ yếu và điều đó đã dẫn đến sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm trong ba ngành kinh tế chính của nước ta. Cơ cấu lao động có chuyên dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ....

- Tuy nhiên, TTLĐ nước ta phát triển chưa đủ mạnh, chưa tạo được nhiều việc làm theo hướng bền vững, mất cân đối cung – cầu lao động cục bộ giữa các vùng, khu vực, ngành nghề và nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp thời gian qua đã làm cho thị trường lao động bị ảnh hưởng nặng nề.

**PHẦN III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
LAO ĐỘNG, KẾT NỐI CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG  
VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**MỘT SỐ GIẢI PHÁP:**

**1.** Nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi các chính sách để hạn chế thất nghiệp, nâng cao chất lượng lao động.

**2.** Đầu tư, phát triển hiện đại hệ thống trung tâm DVVL ở các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển TTLĐ linh hoạt, hiệu quả

**3.** Sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở GDNN; xây dựng, đề xuất mô hình liên kết vùng trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực.

**PHẦN III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
LAO ĐỘNG, KẾT NỐI CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG  
VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



4. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp., tổ chức đào tạo, kết hợp đào tạo trực tiếp và trực tuyến, ưu tiên đào tạo chất lượng cao, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển.

5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại cho người lao động trong các doanh nghiệp; cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành, nghề; tăng cường sự hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**PHẦN III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
LAO ĐỘNG, KẾT NỐI CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG  
VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



6. Đẩy mạnh thông tin thị trường lao động: thu thập, cập nhật và phân tích, dự báo thị trường lao động, thông tin về tình hình sử dụng lao động, nhu cầu việc làm tại các doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc.

7. Kết nối hệ thống thông tin giữa các tỉnh trong vùng và toàn quốc, tạo điều kiện cho người lao động nói chung, lao động trong vùng, trong tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp cận thông tin việc làm nghề nghiệp.

**PHẦN III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
LAO ĐỘNG, KẾT NỐI CUNG – CẦU KHU VỰC MIỀN TRUNG  
VÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**8.** Tổ chức, nâng tầm suất các phiên giao dịch việc làm, đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm để tư vấn, cung cấp thông tin đến đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, các vùng còn khó khăn.

**9.** Tăng cường công tác hướng nghiệp và tư vấn giới thiệu việc làm trong các cơ sở giáo dục – đào tạo thậm chí công tác hướng nghiệp cần thực hiện từ rất sớm.

**10.** Tăng cường thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về việc làm cho người lao động trong tỉnh và trong vùng.





Hội nghị Giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm bền vững  
Năm 2024

## Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh

■ TS. Hoàng Bảo Hùng  
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Huế

### *Bối cảnh*

- Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi Số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
- Mục tiêu kép:
  - Xây dựng: (1) **Chính phủ Số**; (2) **Kinh tế Số**; (3) **Xã hội Số**
  - Hình thành các Doanh nghiệp Số có **năng lực** đi ra toàn cầu
- Giáo dục là 1 trong 8 lĩnh vực được ưu tiên trong 749/QĐ-TTg → chuyển đổi hoạt động nghiệp vụ GDĐT trên môi trường số (được bao gồm trong 411/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển KT Số và XH Số)
- Các hoạt động khá phong phú đã và đang xuất hiện, tuy nhiên vẫn còn để ngỏ các vấn đề: Khung năng lực Số và Hiểu biết Số (Dig. Lit.)

2

## Nhiệm vụ - Giải pháp (trích)

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ → NHÂN LỰC SỐ



5. Đào tạo, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động; mở các khoá học đại trà trực tuyến mở (MOOCS)

4. Phát triển giáo dục STEAM/STEAME

3. Tăng cường đào tạo cử nhân, kỹ sư chuyên ngành CNTT các trường Đại học; đưa đào công nghệ số mới vào Chương trình đào tạo.

2. Đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu.

1. Đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1.000 chuyên gia về chuyển đổi số cho các lĩnh vực.



## Năng lực Số và Văn hoá Số

- Từ mục tiêu kép của Quyết định 749/QĐ-TTg:
  - Xây dựng: (1) **Chính phủ Số**; (2) **Kinh tế Số**; (3) **Xã hội Số**
  - Hình thành các Doanh nghiệp Số có **năng lực** đi ra toàn cầu
- **Cần năng lực số của:** (1) **Tổ chức**; (2) **Doanh nghiệp**; (3) **Người dân**
- Đối với ngành giáo dục: CDS không chỉ là việc chuyển đổi các hoạt động nghiệp vụ giáo dục và đào tạo vào môi trường số
- Quan trọng là: Giáo dục để các tổ chức, doanh nghiệp, và người dân *có đầy đủ năng lực số*, phục vụ cho Chương trình CDS Quốc gia!
  - Cần Khung năng lực số để giáo dục và đào tạo
  - Để biết Ai thực sự có Năng lực số

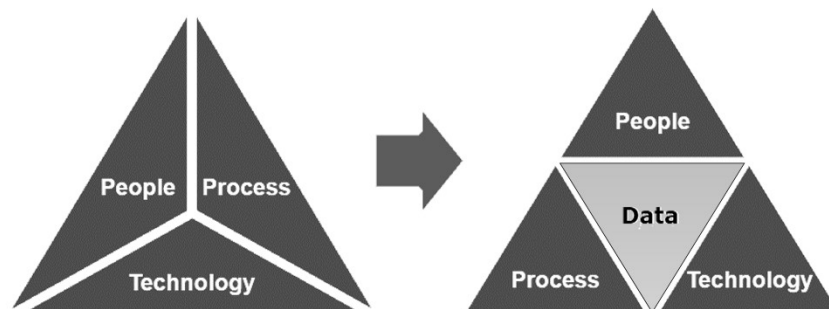
Chuyển đổi số để xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số →

Cần các khung năng lực số để biết Ai thực sự có năng lực số!

- **Khung Năng lực Số là Khung tham chiếu** → cần tùy chỉnh phù hợp với tình hình và bối cảnh cụ thể
- **Khung Năng lực Số là Khung lý thuyết** → cần được triển khai trong thực tế để sau để điều chỉnh nó và cả công cụ (tự) đánh giá NLS cho phù hợp với bối cảnh thực tế của từng quốc gia/tổ chức/công ty
- **Khung Năng lực Số luôn đi với:**
  - (1) Chương trình đào tạo để có từng NLS trong KNLS
  - (2) Công cụ (tự) đánh giá NLS→ các hành động cần thiết!

5

Dữ liệu là TRUNG TÂM  
của DX thành công → PPTD



6

# Kinh tế số là động lực phát triển

- #1: Nội hàm về kinh tế số
- #2: Bức tranh kinh tế số Việt Nam
- #3: Những lĩnh vực đột phá trong kinh tế số

7

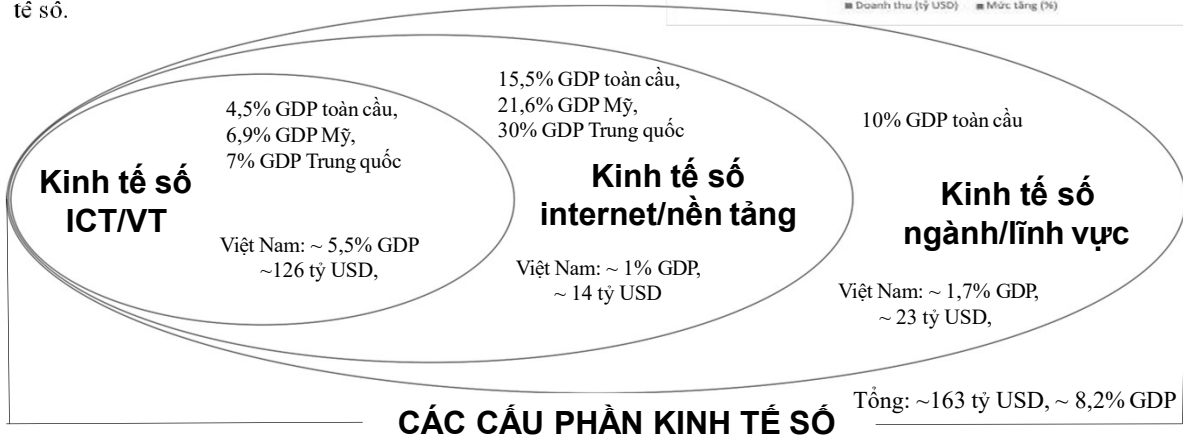
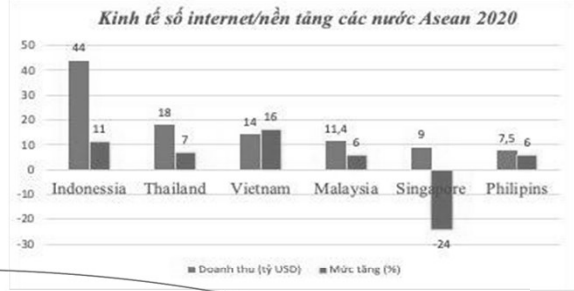
## KINH TẾ SỐ

- *Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, với các hoạt động kinh tế về và bằng công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành trên internet.*
- Kinh tế số gồm 3 cấu phần: Kinh tế số ICT/VT (Kinh tế số ICT); Kinh tế số Internet/nền tảng (Kinh tế số internet); và Kinh tế số ngành/lĩnh vực (Kinh tế số ngành).



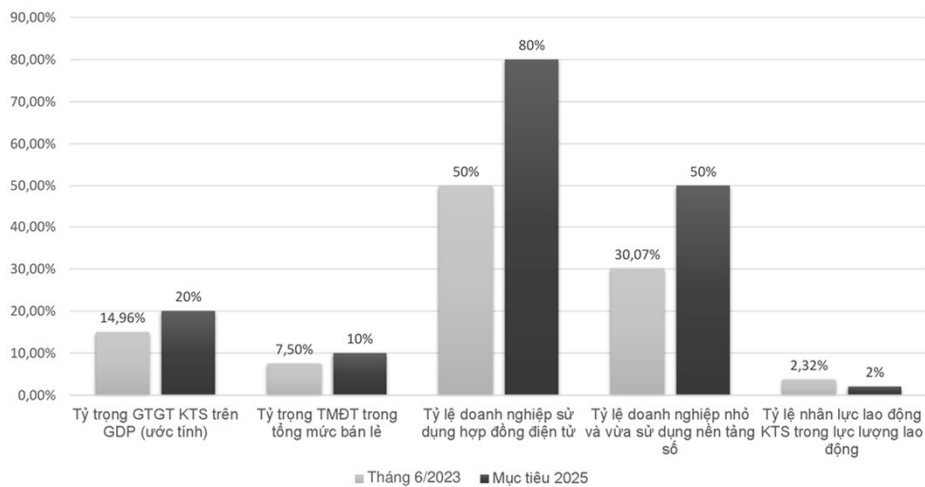
## Vai trò và đóng góp của Kinh tế số

- Kinh tế số mở ra không gian tăng trưởng mới, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế, là động lực cốt lõi cho tăng trưởng kinh tế quốc gia, góp phần giải các bài toán kinh tế – xã hội.
- Nhiều nước đang nỗ lực chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.



## KINH TẾ SỐ

### CHỈ TIÊU KINH TẾ SỐ



Nguồn: Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số

## NHÂN LỰC SỐ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÓ CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT

160/240

NHÂN LỰC CNTT/ TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

2,32%

05 NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI

Khoa học dữ liệu, AI, KTS,  
Công nghệ GD, Công nghệ Tài chính

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO KỸ SƯ, CỬ NHÂN CNTT

70.000

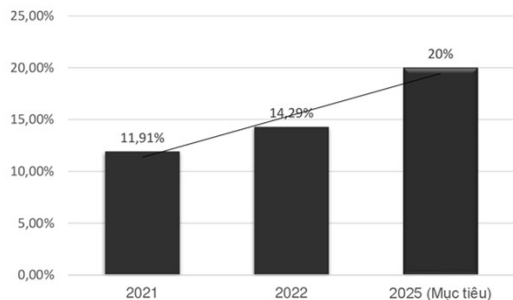
### GIẢI PHÁP

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: tiếp tục đẩy mạnh triển khai mô hình đại học số. Cho phép chuyển đổi phù hợp một số văn bằng, chứng chỉ CNTT, công nghệ số của các cơ sở có uy tín sang tín chỉ học của bộ môn tương ứng
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Đề án Cao đẳng nghề số để đào tạo kỹ năng số chuyên nghiệp cho lực lượng lao động
- Triển khai nền tảng đào tạo đại trà trực tuyến mở

Nguồn: Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số

## BỨC TRANH KINH TẾ SỐ VIỆT NAM 2022

Ước tính sơ bộ tỷ trọng GTGT  
kinh tế số trên GDP  
(đơn vị tính: %)



~ 70%

Kinh tế số ICT/ Kinh tế số



~ 30%

Lan tỏa ICT trong các ngành, lĩnh vực khác

2022



~ 30%

Kinh tế số ICT/ Kinh tế số



~ 70%

Lan tỏa ICT trong các ngành, lĩnh vực khác

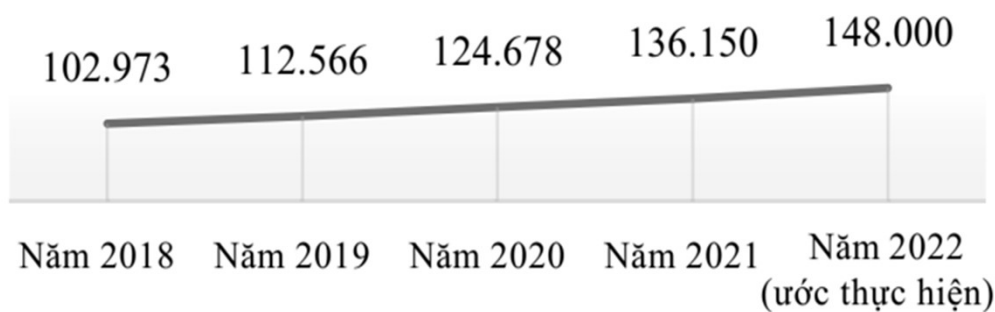
2025

Nguồn: Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số

# Công nghiệp Điện tử - Viễn thông

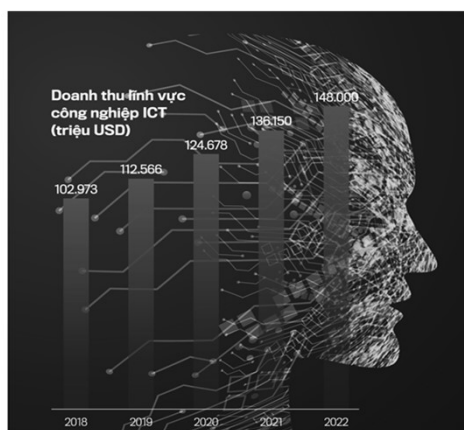
XUẤT KHẨU ĐIỆN TỬ CHIẾM HƠN 90%  
DOANH THU CÔNG NGHIỆP ICT

## Doanh thu lĩnh vực Công nghiệp ICT (triệu USD)



Nguồn: <https://vneconomy.vn/>

# Công nghệ thông tin



Trong năm 2022, doanh thu lĩnh vực công nghiệp ICT ước đạt 148 tỷ USD, tăng trưởng 8,7% so với năm 2021. Đóng góp vào GDP của lĩnh vực Công nghiệp ICT năm 2022 ước đạt 34,336 tỷ USD, tăng trưởng 8,7% so với năm 2021. Nguồn: <https://vneconomy.vn/>



Chuyển đổi số

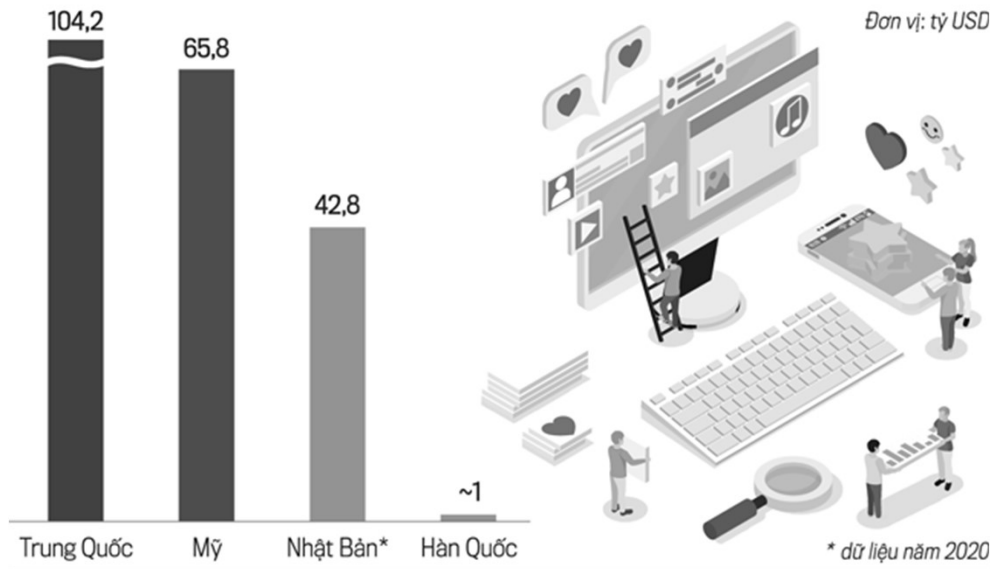
Ứng dụng CNTT, CPĐT, ...



Top 30 trên thế giới về CNTT

# Công nghiệp nội dung số

Doanh thu ngành công nghiệp nội dung số tại một số quốc gia năm 2022

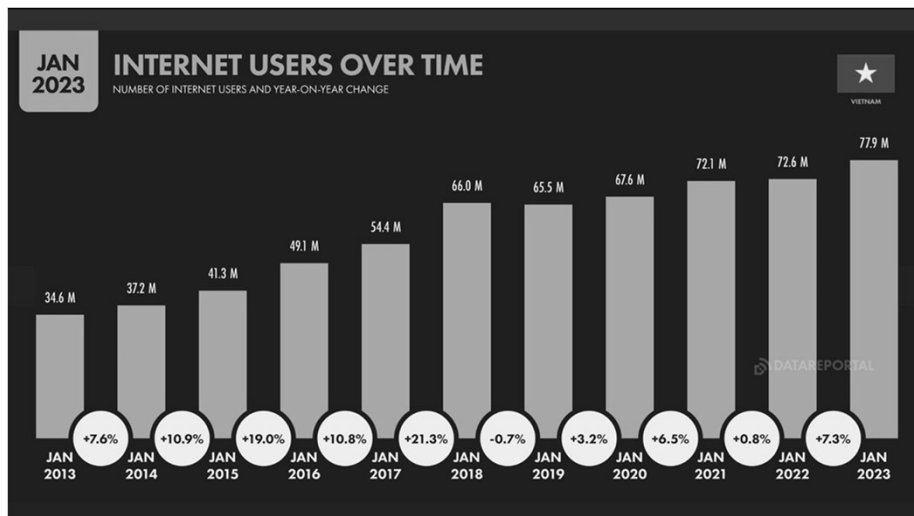


Nguồn: <https://vneconomy.vn/>

## Mạng xã hội

- Doanh thu khoảng **1.500** tỷ đồng

- Có **935 mạng xã hội** trong nước đã được cấp phép hoạt động với khoảng **130 triệu tài khoản** đăng ký. Trong đó, 10 mạng xã hội có trên 1 triệu tài khoản đăng ký hoạt động và 27 mạng xã hội có lượt người truy cập/tháng từ 1 triệu lượt trở lên.



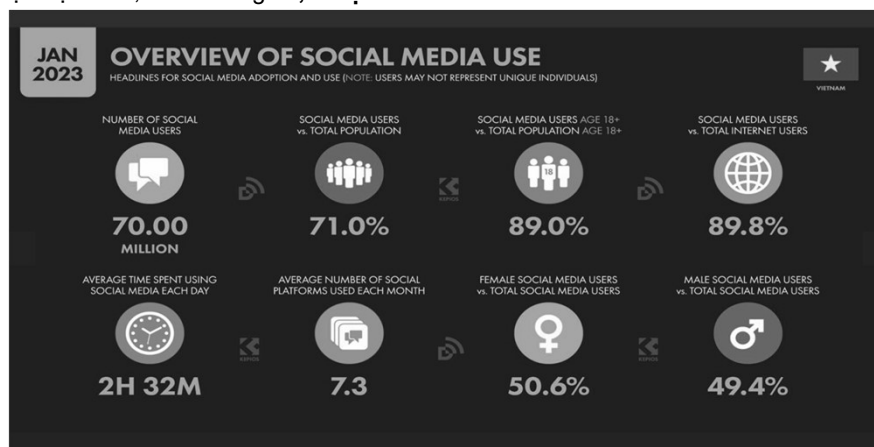


# Mạng xã hội

Theo thống kê đến tháng 02/2022, có **76.95 triệu người dùng** mạng xã hội ở Việt Nam, số lượng người dùng mạng xã hội ở Việt Nam vào đầu năm 2022 tương đương 78.1% dân số, trong đó người dùng **Facebook là 70.4 triệu người**.



**Zalo** nay đã trở thành ứng dụng được nhiều người sử dụng bậc nhất tại Việt Nam, với khoảng **74,7 triệu tài khoản**



Nguồn: <https://www.vnetwork.vn/>

## Định hướng và đề xuất

- #1: Tái cấu trúc cơ cấu ngành nghề đào tạo theo định hướng phát triển của kinh tế số;
- #2: Áp dụng công nghệ số để tạo năng lực số phù hợp với sự phát triển của lực lượng lao động;
- #3: Chuyển đổi một số ngành nghề sang khai thác dữ liệu số;
- #4: Đổi mới – Sáng tạo trên dữ liệu số để khởi nghiệp;



# **ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG TRONG THỜI GIAN TỚI**

*Công ty TNHH Đầu tư Hợp tác Quốc tế Daystar*

Công ty TNHH Đầu tư Hợp tác Quốc tế Daystar, địa chỉ trụ sở chính: 01 Diêm Phùng Thị, phường Vĩnh Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Là doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo Giấy phép: Số 859/LĐT BXH-GP do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp ngày 15/8/2016.

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay, Công ty Daystar phối hợp với các cơ quan, ban ngành, địa phương tổ chức 182 hội thảo, hội nghị tuyên truyền về chương trình người lao động đi làm việc ở nước ngoài để người lao động tìm hiểu, đăng ký. Theo danh sách người lao động đăng ký, đến nay Công ty đã phối hợp với các Nghiệp đoàn và Doanh nghiệp Nhật Bản tổ chức nhiều đợt phỏng vấn, tuyển dụng người lao động Việt Nam và đã chọn ra được hơn 700 lao động trúng tuyển.

Sau khi lao động trúng tuyển, Công ty Daystar tổ chức đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng tập trung tại Trường Đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức Daystar, tiến hành các thủ tục liên quan để đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đến nay, Công ty đã đưa được 540 lao động xuất cảnh sang làm việc tại Nhật Bản. Ngoại trừ năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến gần một trăm người lao động không thể xuất cảnh, trong thời gian còn lại số liệu người lao động xuất cảnh tăng qua từng năm, cụ thể như sau: Năm 2022: 105 lao động; Năm 2023: 343 lao động; Năm 2024 (tính đến 12/03/2024): 94 lao động.

Số lao động là đối tượng chính sách (bao gồm người lao động là hộ nghèo, cận nghèo; người lao động là con của thương binh, liệt sĩ; người lao động thuộc gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp) là 50 lao động. Hầu hết các lao động là đối tượng chính sách sinh sống ở các huyện vùng núi như Nam Đông, A Lưới có điều kiện kinh tế vô cùng khó khăn, lượng công việc phù hợp đem lại thu nhập ổn định không nhiều. Nên việc tham gia chương trình thực tập sinh kỹ năng không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn nâng cao được trình độ nghề nghiệp của bản thân, đóng góp cho sự phát triển nền công nghiệp tại địa phương qua việc áp dụng các kỹ thuật của Nhật Bản.

## **Về thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

- Trước khi xuất cảnh, Công ty tổ chức gặp mặt người lao động và gia đình để chia sẻ niềm vui, hướng dẫn thông tin cần thiết chuẩn bị cho hành trình mới tại Nhật Bản. Tận tình hỗ trợ người lao động làm các thủ tục tại sân bay. Công ty không những hỗ trợ người lao động từ giai đoạn trúng tuyển đơn hàng đến lúc xuất cảnh mà còn theo sát người lao động trong quá trình làm việc tại Nhật Bản,

bên cạnh đó, thường xuyên động viên thăm hỏi gia đình người lao động đã xuất cảnh. Ngoài ra, văn phòng đại diện Daystar tại Nhật Bản cũng thường xuyên gặp gỡ, nắm bắt tình hình, chia sẻ những khó khăn với người lao động.

- Phần lớn người lao động có điều kiện kinh tế khó khăn, không đảm bảo được kinh phí để tham gia chương trình. Đối với những trường hợp này, Công ty luôn luôn giới thiệu, hướng dẫn đến người lao động những chính sách hỗ trợ của Nhà nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng nhằm giúp người lao động tiếp cận được nguồn hỗ trợ và thực hiện được ước mơ đi làm việc tại nước ngoài.

Đến nay, Công ty đã hỗ trợ hồ sơ vay vốn cho người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo chính sách của trung ương và địa phương đối với 355 lao động (trong đó 50 lao động vay vốn theo chính sách trung ương, 305 lao động vay vốn theo chính sách của địa phương); hướng dẫn, cung cấp hồ sơ cho 450 người lao động làm thủ tục đề nghị hỗ trợ kinh phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo chính sách của Trung ương và của địa phương.

Ngoài ra, Daystar luôn luôn tạo điều kiện để người lao động sau khi về nước có cơ hội làm việc tại Công ty dựa trên hồ sơ có nhu cầu đăng ký.

### **Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị, đề xuất**

#### **a) Thuận lợi**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế và các cấp ủy, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt hiệu quả cao.

- Công tác tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức linh động, đa dạng cùng các chủ trương, chính sách hỗ trợ của Tỉnh đã tác động đến các gia đình, người lao động có nhu cầu điều kiện đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, nhờ đó nhận thức của người dân về công tác vận động lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được nâng lên và có nhiều chuyển biến tích cực. Đối với người lao động và gia đình cũng có nhiều thay đổi từ hoài nghi, e ngại đã chuyển sang mong muốn và sẵn lòng tham gia, để thay đổi cuộc sống, cải thiện kinh tế.

#### **b) Khó khăn, kiến nghị và đề xuất**

- Nhiều hộ gia đình và người lao động còn tâm lý ngại đi xa làm việc, chỉ mong muốn làm gần nhà để được ở gần gia đình.

Vì vậy, kính kiến nghị các cơ quan, đoàn thể triển khai thêm nhiều hoạt động tuyên truyền cho người dân về lợi ích kinh tế vượt bậc, công tác đảm bảo hành lang pháp lý, bảo hộ của cơ quan có thẩm quyền cho người dân tại các địa phương được tiếp cận thêm thông tin, yên tâm lựa chọn tham gia chương trình.

- Đối với chính sách hỗ trợ vay vốn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: nhiều người lao động gặp khó khăn trong việc xác nhận các biểu mẫu (*do Ngân hàng CSXH tỉnh ban hành*) tại xã, phường nơi cư trú với lý do biểu mẫu không nằm trong danh mục xác nhận của UBND cấp xã.

Để tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận được nguồn vốn vay, xin kiến nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Ngân hàng CSXH phổ biến về chính sách vay vốn đi làm việc ở nước theo hợp đồng cũng như các biểu mẫu đến các chính quyền địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tình hình thiếu hụt nguồn vốn vay giai đoạn từ tháng 8/2023 đến 12/2023 cũng đã gây khó khăn cho người lao động có lịch xuất cảnh trong giai đoạn này vì đa số người lao động có điều kiện kinh tế khó khăn, đều có nhu cầu vay vốn để có nguồn kinh phí chi trả cho khoản chi phí để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trong thời gian tới, rất mong các cơ quan có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế bố trí nguồn vốn để người dân có điều kiện tiếp cận kịp thời các chính sách hỗ trợ của nhà nước./.

## **NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, KẾT NỐI NGUỒN NHÂN LỰC CHO DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG**

*Trung tâm Thương mại Aeon Mall Huế*

Sau khi khai trương, Trung tâm Thương mại AEON MALL Huế dự kiến sẽ thu hút tổng số từ 2.000 - 2.500 nhân lực. Với quy mô lớn bao gồm khoảng 140 nhãn hàng (trong đó từ 10 - 15% là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) với đa dạng ngành nghề kinh doanh và 1 đại siêu thị - Trung tâm bách hóa tổng hợp, Trung tâm Thương mại sẽ có nhu cầu rất lớn trong việc tuyển dụng các vị trí công việc như quản lý và nhân viên bán hàng, thu ngân, chế biến, vận chuyển... Bên cạnh đó, các công việc liên quan đến nhân viên an ninh, vệ sinh, kỹ thuật, chăm sóc khách hàng... cũng chiếm tỷ trọng khá cao tại TTTM.

Chúng tôi đã và đang xây dựng các kế hoạch và chương trình tuyển dụng qua cả kênh Online và Offline với mục đích giúp cho người dân mọi độ tuổi có thể dễ dàng tiếp cận thông tin tuyển dụng của TTTM. Ví dụ như có rất nhiều các vị trí, cơ hội công việc đến từ các nhãn hàng hoạt động tại TTTM sẽ dành cho các bạn trẻ, và không chỉ như vậy, TTTM còn tuyển dụng rất nhiều vị trí như nhân viên an ninh, vệ sinh và các công việc cần thiết khác, thích hợp cho nhiều độ tuổi, trình độ khác nhau.

AEON MALL sẽ luôn triển khai việc đào tạo hành vi căn bản và quy định làm việc cho tất cả các nhân viên làm việc tại TTTM với mong muốn xây dựng 1 đội ngũ nhân viên làm việc tích cực - là những nhân viên có thể tiếp tục học hỏi, tiếp thu và thích nghi với phong cách làm việc mới theo tiêu chuẩn dịch vụ chất lượng cao của Nhật Bản.

Trong giai đoạn triển khai chiến dịch tuyển dụng lớn của TTTM, dự kiến từ tháng 7 đến tháng 9/2024, AEON MALL rất hi vọng sẽ nhận được sự giúp đỡ và phối hợp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các cơ quan ban ngành có liên quan và các trung tâm việc làm cũng như các trường học trong việc:

- Hỗ trợ truyền thông, quảng bá các kênh thông tin tuyển dụng chính thức của TTTM AEON MALL Huế tới người dân trên toàn địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để người dân nắm bắt thông tin, tìm hiểu, đăng ký ứng tuyển vào các vị trí tuyển dụng.
- Phối hợp tổ chức các chương trình giới thiệu, định hướng nghề nghiệp tại các trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm phối hợp bố trí địa điểm triển khai các chương trình tuyển dụng trực tiếp cho các nhãn hàng (nếu có).

- Hỗ trợ AEON MALL tham gia các Ngày hội việc làm, Sàn giao dịch việc làm định kỳ, lưu động, các hội nghị, hội thảo lao động - việc làm có sự tham gia của người lao động trên địa bàn tỉnh.

Chúng tôi rất mong muốn và hi vọng rằng AEON MALL Huế có thể trở thành điểm sáng trong việc cung cấp cơ hội việc làm của ngành dịch vụ và trở thành 1 môi trường làm việc tốt cho người dân tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe!

**BÀI PHÁT BIỂU**  
**TẠI HỘI NGHỊ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC**  
**LÀM BỀN VỮNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Công ty CP Kim Long Motors Huế*

**Kính thưa Quý Đại biểu cùng toàn thể Hội nghị**

Phát triển nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá chiến lược để chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là nền tảng để phát triển bền vững trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế giai đoạn hiện nay.

Đến dự Hội nghị hôm nay, Công ty Cổ phần KIM LONG Motors Huế xin trình bày tham luận về **“Định hướng phát triển, kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô”**.

**Kính thưa toàn thể Hội nghị,**

Công ty Cổ phần KIM LONG Motors Huế là chủ đầu tư dự án **“Khu liên hợp Sản xuất Lắp ráp KIM LONG Motors Huế”** tại Khu kinh tế Chân Mây, Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 09/QĐ-KKTCN ngày 23/01/2019 của Ban quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Dự án **“Khu liên hợp Sản xuất Lắp ráp KIM LONG Motors Huế”** với quy mô diện tích 165 ha, là Trung tâm sản xuất xe ô tô với đầy đủ các chủng loại từ xe tải, xe Bus đến xe du lịch; Trung tâm cơ khí, sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô,... Tổng công suất 108.800 xe/năm, chia thành 3 giai đoạn; Giai đoạn 1: Sản xuất, lắp ráp xe ô tô khách có công suất 8.600 xe/năm; Giai đoạn 2: Sản xuất, lắp ráp xe ô tô tải có công suất 2.000 xe/năm và Giai đoạn 3: Sản xuất, lắp ráp xe ô tô con từ 4 đến 7 chỗ ngồi với công suất 100.000 xe/năm.

Với định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh: **Hợp tác liên doanh, nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác trong hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô, sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô để phát triển kinh doanh tại thị trường Việt Nam và xuất khẩu.**

- **Sản xuất lắp ráp ô tô:** Đa dạng chủng loại sản phẩm ô tô: Xe Bus, xe tải, xe du lịch (*động cơ đốt trong và năng lượng mới*); Tập trung nghiên cứu chuyên sâu để phát triển xe tải, xe Bus thương hiệu **KIM LONG**.

- **Sản xuất Linh kiện Phụ tùng ô tô:** Phát triển sản phẩm linh kiện phụ tùng ô tô đáp ứng yêu cầu nội địa hóa của các Nhà máy Sản xuất Lắp ráp ô tô; Đạt tỷ lệ nội địa hóa 40% trở lên để tạo lợi thế xuất khẩu sang các nước ASEAN và 50% trở lên để xuất khẩu sang các nước ngoài ASEAN.

- **Kinh doanh:** Quy hoạch và phát triển hệ thống phân phối rộng khắp cả nước theo tiêu chuẩn của từng thương hiệu; Tổ chức hoạt động kinh doanh phân phối (*kinh doanh xe và dịch vụ phụ tùng*) và bán lẻ (*hệ thống Chi nhánh trực thuộc*



và Đại lý độc lập); Gia tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng; Đảm bảo hiệu quả hoạt động trên toàn chuỗi giá trị Sản xuất - Phân phối - Bán lẻ.

Ngày 03/02/2024 vừa qua, chúng tôi đã xuất xưởng các sản phẩm xe khách giường nằm mang thương hiệu KIM LONG, được sản xuất và lắp ráp tại Nhà máy KIM LONG Motors Huế. Theo kế hoạch, trong năm 2024, Công ty sẽ sản xuất khoảng 2.500 xe khách các loại. Đồng thời, chúng tôi tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý để khởi công, xây dựng Nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô con từ 4 - 7 chỗ ngồi, đã được đối tác Hàn Quốc chuyển giao công nghệ, cũng như triển khai các Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô để gia tăng tỷ lệ nội địa hóa.

Để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược và kế hoạch nêu trên, nguồn nhân lực đóng vai trò hết sức quan trọng. Tính đến nay, tổng số nhân sự của KIM LONG Motors là **850** người. Trong đó:

- Trình độ Đại học và trên Đại học: **27%**; Cao đẳng kỹ thuật: **15%**; Công nhân kỹ thuật: **48%** và Lao động học nghề: **10%**.

- **61%** người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong năm 2024, chúng tôi có kế hoạch tuyển dụng gần 900 nhân sự, cụ thể:

- Thành phần Lãnh đạo/ Quản lý: **30** người;

- Thành phần Kỹ sư/ Cử nhân: **200** người, tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên, gồm các chuyên ngành: Cơ khí ô tô; Cơ khí chế tạo; Điện - Tự động hóa; Quản lý công nghiệp ...;

- Thành phần Công nhân: **660** người, tốt nghiệp trình độ từ Sơ cấp đến Cao đẳng gồm các chuyên ngành: Công nghệ ô tô; Cơ khí gò/ hàn; Cắt gọt kim loại; Điện; Sơn - Composite, ..v..v...

Giai đoạn từ năm 2025 - năm 2030, dự kiến nhu cầu nhân sự mỗi năm tăng hơn **1.000** người.

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện chiến lược phát triển bền vững, chúng tôi đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào công tác tuyển dụng nhân sự phù hợp và đào tạo với phương châm ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương, đẩy mạnh công tác đào tạo - huấn luyện; Quy hoạch phát triển nhân sự Lãnh đạo/ Quản lý từ bên trong, kết hợp tuyển dụng từ bên ngoài.

Công tác tuyển dụng, đào tạo thực hiện theo 5 nhóm giải pháp sau đây:

**Một là:** Tăng cường các hoạt động truyền thông về công tác tuyển dụng nhân sự thông qua các nền tảng mạng xã hội (*website, fanpage, ...*); Chủ động làm việc với Đài phát thanh/ Đài truyền hình địa phương để chuyển tải nhu cầu tuyển dụng đến người dân; Thông qua Trung tâm Dịch vụ Việc làm để kết nối thông tin đến người lao động và tăng cường tham gia các sàn giao dịch việc làm.

**Hai là:** Hợp tác, liên kết với các Trường Đại học, các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong các hoạt động:

- Cử người lao động tại Công ty nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề tại các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Góp ý chương trình và phối hợp đào tạo; Tiếp nhận hướng dẫn sinh viên thực tập và tuyển dụng sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường;
- Hợp tác nghiên cứu khoa học;
- Tài trợ học bổng và trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo cho Giảng viên/ Sinh viên.

**Ba là:** Thành lập Ban Đào tạo KIM LONG Motors để tập trung đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người lao động; Đẩy mạnh phương thức huấn luyện - đào tạo trên công việc; Khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động chủ động nâng cao kiến thức, tay nghề, năng lực quản trị/ lãnh đạo để đảm nhận các vị trí cao hơn. Hiện tại, chúng tôi đang nghiên cứu khả thi để thành lập Trung tâm đào tạo KIM LONG Motors trong thời gian tới nhằm chủ động đào tạo, cung ứng nguồn lao động có tay nghề: Công nghệ ô tô; Hàn; Sơn; Nhựa và Composite;... đảm bảo chất lượng phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.

**Bốn là:** Tuyển dụng Chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước đến làm việc; Nhận chuyển giao công nghệ từ các Đối tác nước ngoài và bố trí đội ngũ kỹ sư/ thợ kỹ thuật cao để đào tạo kiến thức chuyên sâu về công nghệ.

**Năm là:** Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống các quy định, quy trình đảm bảo tính linh hoạt trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật; Xây dựng và phát triển môi trường làm việc thân thiện, kỷ luật, vận dụng công thức “**Con người phù hợp + Quy trình ngoại hạng = Kết quả ngoại hạng**”.

Ngoài các giải pháp về tuyển dụng - đào tạo, KIM LONG Motors còn tập trung hoàn thiện các chính sách cho người lao động với nhiều chế độ đãi ngộ vượt trội so với thị trường lao động. Tạo động lực để người lao động có tâm thế và thái độ đúng, luôn nỗ lực phấn đấu để phát triển thành Lãnh đạo/ Quản lý hoặc trở thành Chuyên gia trong lĩnh vực được phân công.

*Bên cạnh đó, để góp phần đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng, ổn định và bền vững, chúng tôi có các đề xuất/ kiến nghị đến Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác lao động, việc làm như sau:*

- Cần xây dựng cơ chế hợp tác, phối hợp phát triển nguồn nhân lực giữa 3 bên: Cơ sở đào tạo - Nhà nước - Doanh nghiệp để thúc đẩy công tác đào tạo đạt chất lượng cao, ngày càng sát với nhu cầu của thị trường lao động;
- Kết nối với các đơn vị liên quan và Cơ sở đào tạo để xây dựng hệ thống thông tin và các ứng dụng cơ sở dữ liệu về cung - cầu lao động.

Trên đây là phần báo cáo tham luận của Công ty Cổ phần KIM LONG Motors Huế. Xin cảm ơn Quý Đại biểu và toàn thể Hội nghị đã lắng nghe.

Xin trân trọng cảm ơn!

# **BÁO CÁO**

## **Tình hình thực hiện và định hướng giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*

Giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là những nhiệm vụ có tầm quan trọng ở nước ta hiện nay. Để thông tin và báo cáo tình hình thực hiện giai đoạn 2021 – 2023 và định hướng giải quyết việc làm và người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN**

Thừa Thiên Huế có diện tích 4.947 km<sup>2</sup>, tổng dân số là 1.160.224 người. Số người lao động từ 15 tuổi trở lên là 839.011 người. Số lao động đang làm việc trong các thành phần kinh tế là 610.085 người. Tỷ lệ thất nghiệp 1,8%.

Số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 5.783, với tổng số lao động là 117.142 người. Tổng số doanh nghiệp hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh là 15 đơn vị.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo chung toàn tỉnh đến năm 2023 đạt 72,05%.

Thừa Thiên Huế đang nỗ lực phấn đấu để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

Trong thời gian qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, công tác giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt kết quả đáng khích lệ, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

#### **1. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, đề án giải quyết việc làm**

- Giai đoạn 2021 – 2025, cùng với thực hiện chính sách của Trung ương, Tỉnh đã xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách, đề án giải quyết việc làm, tạo hành lang pháp lý, cơ sở vật chất, hạ tầng, điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động trong công tác giải quyết việc làm.

- Giai đoạn 2021 – 2025, Tỉnh đã ban hành 12 văn bản quan trọng về công tác giải quyết việc làm: 01 Kế hoạch của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 20 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động đi làm việc

ở nước ngoài trong tình hình mới, 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh (trên cơ sở đề án giải quyết việc làm), 08 kế hoạch và 01 đề án (quan hệ lao động) của UBND tỉnh.

- Ngoài ra, trên các lĩnh vực liên quan như phát triển nguồn nhân lực, giảm nghèo bền vững, phát triển doanh nghiệp... Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo.

## **2. Thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp**

Các cấp, các ngành, doanh nghiệp phối hợp thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại:

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 13/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 107- KH/TU ngày 23/03/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW, ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về Quy định một số chế độ, chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 236/KH-UBND về chương trình việc làm 2021- 2025; Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 10/11/2023 về đẩy mạnh công tác đưa người lao động vùng đồng bào miền núi đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; các kế hoạch hằng năm.

## **3. Kết quả cụ thể**

Từ năm 2021- 2023, số giải quyết việc làm của tỉnh là 50.628 lao động; có 3.997 lao động đi làm việc ở nước ngoài; tập trung ở thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc. Đặc biệt năm 2023, đã đi được 2.325 người (chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh là 2000 người).

- Công tác giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, góp phần cải thiện đời sống người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định và phát triển kinh tế của tỉnh.

## **III. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC**

Thứ nhất, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, thị trường lao động, công tác giải quyết việc làm trong nước, trong tỉnh.

Thứ hai, chất lượng việc làm còn thấp, công việc ở một số doanh nghiệp không ổn định nên tình trạng lao động thôi việc, mất việc làm, thất nghiệp vẫn còn.

Thứ ba, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng qua từng năm, nhưng khả năng đáp ứng công việc của người lao động sau đào tạo còn hạn chế, kỹ năng, ý thức kỷ luật của một số lao động còn thấp.

Thứ tư, hiệu quả của Sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm chưa cao, chưa phát huy cao vai trò cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Thứ năm, lao động đi làm việc ở nước ngoài tăng qua các năm, nhưng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các chương trình phi lợi nhuận còn ít, việc giải quyết các chính sách hỗ trợ đối với người lao động chưa kịp thời.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP**

##### **1. Mục tiêu, chỉ tiêu**

###### **Mục tiêu:**

Phát triển thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động. Ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm. Khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ, đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

###### **Một số chỉ tiêu chủ yếu:**

- Giải quyết việc làm giai đoạn 2024 – 2025: 34.600 người (năm 2024: 17.000 người, năm 2025: 17.600 người); đưa 4.150 lao động đi làm việc ở nước ngoài (năm 2024: 2050 người, năm 2025: 2.100 người);

- Đến năm 2025: tỷ lệ thất nghiệp dưới mức 1,5% (thất nghiệp thành thị dưới 2,1%); nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72 - 75%;

##### **2. Nhiệm vụ, giải pháp**

###### **2.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.**

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Luật Việc làm, Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Kế hoạch số 107-KH/TU của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND, các kế hoạch, đề án của UBND tỉnh và các văn bản liên quan với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

###### **2.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Đẩy mạnh phát triển mạnh các ngành kinh tế theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

- Phát triển nhanh khu, cụm công nghiệp - xây dựng. Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững.

###### **2.3. Phát triển doanh nghiệp, doanh nhân và thực hiện tốt chính sách tín dụng việc làm**

- Hỗ trợ phát triển nhanh, mạnh mạng lưới doanh nghiệp và doanh nhân để tạo việc làm mới, đồng thời ổn định việc làm thông qua xây dựng quan hệ hài hòa trong doanh nghiệp. Thu hút có chọn lọc các nhà đầu tư nước ngoài.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh.

- Thực hiện tốt chính sách tín dụng việc làm.

#### **2.4. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài**

- Thu hút các doanh nghiệp có năng lực, uy tín đến tư vấn, tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài, thực hiện công khai, minh bạch các khoản chi phí, giảm dần chi phí đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Kết nối các doanh nghiệp với Trung tâm DVVL và các địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện Kế hoạch số 107-KT/TU của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh “Quy định một số chế độ, chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài, giai đoạn 2021 - 2025”.

- Định hướng tăng số lượng lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS, Nhật Bản theo chương trình EPA và chương trình IM Japan, chương trình đưa điều dưỡng viên đi học tập và làm việc tại CHLB Đức.

- Nhân rộng mô hình liên kết đào tạo ngoài ngữ, kỹ năng nghề, giáo dục định hướng cho người lao động giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm, các Trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ công tác tuyên truyền, tư vấn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng các cấp, doanh nghiệp, chú trọng cấp cơ sở.

#### **2.5. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động**

- Đầu tư nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm; nâng cao chất lượng, hiệu quả các giao dịch việc làm; đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm.

- Thực hiện tốt công tác thu thập Cung - Cầu lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực; củng cố, nâng cao năng lực công tác dự báo và thông tin thị trường lao động.

#### **2.6. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng chuẩn đào tạo tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp.

- Làm tốt hơn nữa công tác định hướng, tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, thu hút được nhiều người tham gia học nghề.

### **2.7. Truyền thông, nâng cao năng lực thực hiện chương trình giải quyết việc làm**

- Tăng cường công tác truyền thông về giải quyết việc làm bằng nhiều hình thức như: Tờ rơi, phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt khai thác tốt hệ thống truyền thanh tại các tổ dân phố, thôn, bản...

- Tăng cường năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động - việc làm ở các cấp, các ngành; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể. Nêu cao vai trò của tổ chức công đoàn cơ sở và công đoàn các cấp. Xây dựng mối quan hệ lao động ổn định, hài hòa và tiến bộ tại doanh nghiệp.

### **2.8. Tăng cường sự phối hợp của nhà đầu tư, doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề, tuyển dụng lao động**

- Xây dựng quy chế phối hợp quy định quyền, trách nhiệm của đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo nghề, tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo cho người lao động trên cơ sở trang thiết bị, máy móc và có thể sử dụng của doanh nghiệp.

- Việc phát triển nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp thông qua việc liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp, nhà trường./.

## **ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐƯA NGƯỜI ĐỘNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH PHI LỢI NHUẬN**

*Đặng Huy Hồng, Giám đốc Trung tâm Lao động ngoài nước*

Kính thưa đồng chí .....Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Kính thưa các đồng chí Lãnh đạo, các đồng chí chủ trì Hội nghị.

Kính thưa quý vị đại biểu tham dự Hội nghị

Trước hết tôi xin trân trọng cảm ơn Ủy ban nhân dân Thừa Thiên Huế đã mời Trung tâm Lao động ngoài nước tham dự Hội nghị ngày hôm nay.

Thưa quý vị đại biểu!

Trung tâm Lao động ngoài nước là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, được giao thực hiện các Thỏa thuận quốc tế được Bộ ký kết với Bộ Lao động, các đối tác quốc tế. Hiện nay, Trung tâm đang triển khai thực hiện các Chương trình đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm (gọi tắt là Chương trình EPS), đưa thực tập sinh đi thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản theo Thỏa thuận với Tổ chức phát triển nhân lực quốc tế (gọi tắt là Chương trình IM Japan); Chương trình đưa lao động đi làm việc tại Đài Loan (gọi tắt là Chương trình tuyển mộ trực tiếp); Chương trình đưa thực tập sinh hộ lý đi thực tập tại Nhật Bản trong ngành điều dưỡng hộ lý (gọi tắt là Chương trình Osaka); Chương trình đi làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức (gọi tắt là Chương trình HIH), Trung tâm đang tiếp tục báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đàm phán tiếp tục mở rộng thị trường, lĩnh vực ngành nghề với các đối tác trong thời gian tới. Từ khi thành lập, từ năm 2004 đến nay, Trung tâm đã phái cử được gần 140.000 lượt lao động, thực tập sinh đi làm việc tại nước ngoài, là một trong những đơn vị phái cử được số lượng lao động lớn nhất trong hệ thống các đơn vị đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Đặc điểm nổi bật nhất về các Chương trình Trung tâm đang thực hiện là Trung tâm không thu phí dịch vụ, các Chương trình đều theo hình thức phi lợi nhuận, theo đó, người lao động được miễn phí hoặc chỉ phải nộp khoản chi phí hành chính, đào tạo khi tham gia.

Trong báo cáo ngày hôm nay, theo đề nghị từ phía Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thay mặt Trung tâm Lao động ngoài nước, xin phép cung cấp tới Hội nghị các thông tin về Chương trình EPS, IM Japan và các Chương trình khác của Trung tâm với mục tiêu hỗ trợ các đồng chí cán bộ cấp cơ sở, người lao động tỉnh Thừa Thiên Huế nắm bắt đầy đủ thông tin, có định hướng chính xác, đầy đủ khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình phi lợi nhuận mà Trung tâm đang triển khai, đồng thời đánh giá, đề xuất phương án phối hợp lâu dài, bền vững, hiệu quả giữa công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp cho người lao động



giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm Lao động ngoài nước trong thời gian tới.

## **1. Kết quả phối hợp triển khai tuyển chọn, phái cử lao động, thực tập sinh giữa Trung tâm Lao động ngoài nước và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tổng số lượng lao động Thừa Thiên Huế được phái cử qua Trung tâm Lao động ngoài nước là 898 lao động, trong đó:

<b>Chương trình</b>	<b>EPS</b>	<b>IM Japan</b>	<b>Vivantes</b>	<b>Osaka</b>
Số lượng	800	97	20	1

Trong năm 2023, Thừa Thiên Huế đã đưa được 2.310 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó chỉ có 45 lao động đi làm việc thông qua Chương trình phi lợi nhuận của Trung tâm Lao động ngoài nước thực hiện, có thể thấy qua số liệu, số lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua các Chương trình của Trung tâm Lao động ngoài nước chưa nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng nguồn nhân lực, kế hoạch của các cơ quan quản lý; tỷ lệ cơ cấu người lao động tham gia Chương trình phi lợi nhuận với các doanh nghiệp dịch vụ còn thấp.

Năm 2024, tỉnh Thừa Thiên Huế có 354 người lao động đăng ký tham gia thi tiếng Hàn theo Chương trình EPS trong đó có 288 lao động trong ngành sản xuất chế tạo, 35 lao động trong ngành ngư nghiệp, 23 lao động trong ngành nông nghiệp, 8 lao động trong ngành xây dựng.

## **2. Thông tin về các Chương trình Trung tâm Lao động ngoài nước đang thực hiện**

### **2.1. Chương trình EPS**

\* Đối tượng tuyển chọn: Lao động phổ thông, tuổi từ 18 - hết 39 tuổi

- Ngành nghề tuyển chọn: Sản xuất chế tạo; xây dựng, đóng tàu, nông nghiệp, ngư nghiệp

\* Quy trình tuyển chọn:

**B1.** Người lao động (NLĐ) học tiếng Hàn để thi EPS Topik theo hình thức thi trên máy tính 40 câu hỏi trắc nghiệm trong thời gian 50 phút

**B2.** NLĐ đăng ký dự thi thông qua các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương hoặc các Trung tâm Dịch vụ việc làm

**B3.** Thi tiếng Hàn, kiểm tra tay nghề

- Vòng 1: Kiểm tra tiếng Hàn theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính, chấm điểm tự động. Điểm sàn của các ngành Sản xuất chế tạo là 110 điểm; xây dựng, nông nghiệp 80 điểm; ngư nghiệp 60 điểm. (Điểm chuẩn được lấy từ trên xuống trong số những người đạt điểm sàn cho đến khi đủ chỉ tiêu mà Hàn Quốc thông báo)

- Vòng 2: Kiểm tra tay nghề: kỹ năng cơ bản, sắc giác, dị tật

**B3.** Những NLD đạt yêu cầu nộp hồ sơ để gửi cho HRD Korea

**B4.** HRD Korea gửi HDLD của NLD được chọn cho Colab thông qua phần mềm online, Colab thông báo NLD nộp chi phí hành chính, tổ chức đào tạo định hướng, bổ túc tiếng Hàn

**B5.** Theo kế hoạch của HRD Korea, Colab thông báo tập trung NLD để xuất cảnh

- Chi phí phải nộp:

- Chi phí dự thi tiếng Hàn: 28 USD

- Chi phí phải cử: 630 USD (bao gồm vé máy bay, lệ phí visa, đào tạo định hướng)

- Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: 100.000 VNĐ

- Học phí ôn tập bổ túc tiếng Hàn: 2.400.000 VNĐ/120 tiết (thu theo số tiết học thực tế).

- Ký quỹ 100 triệu tại Ngân hàng Chính sách xã hội trước khi xuất cảnh, khoản tiền này được nhận lại cả gốc và lãi sau khi về nước đúng hạn hợp đồng.

\* Một số đặc thù của Chương trình EPS

- Người lao động phải tự học tiếng Hàn hoặc thông qua các Trung tâm đào tạo tiếng Hàn cho người lao động

- Không phải 100% người lao động đạt yêu cầu, nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đều được đi làm việc tại Hàn Quốc, theo thống kê của Trung tâm có khoảng 90% người lao động đạt yêu cầu được xuất cảnh.

- Quá trình tuyển chọn khách quan, công bằng, minh bạch, không một cá nhân, tổ chức nào có thể tác động để có thể xuất cảnh sớm, chủ lựa chọn ... quá trình này được thực hiện.

- Ngoài các khoản chi phí nêu trên, người lao động không phải nộp thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

## **2.2. Chương trình IM Japan**

\* Đối tượng tuyển chọn: Lao động phổ thông, đã tốt nghiệp PTTH, tuổi từ 18 đến 30 tuổi

- Ngành nghề tuyển chọn: Sản xuất chế tạo, xây dựng

\* Quy trình tuyển chọn

**B1.** Người lao động tải hồ sơ trên website: [www.colab.gov.vn](http://www.colab.gov.vn) nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển cho Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh hoặc nộp trực tiếp về Trung tâm Lao động ngoài nước (nộp hồ sơ miễn phí)

**B2.** Tham gia kỳ tuyển chọn gồm các nội dung: Kiểm tra thể lực, kiến thức toán cơ bản và phỏng vấn

**B3.** Sau khi Trúng tuyển tham gia khóa đào tạo tiếng Nhật trong thời gian tối đa 6 tháng và xuất cảnh sang Nhật Bản làm việc

\* Chi phí và các khoản hỗ trợ

- Không phải nộp phí dịch vụ

- Hỗ trợ toàn bộ tiền học phí tiếng Nhật và tiền ký túc xá trong thời gian khóa đào tạo 04 tháng chính thức

- Hỗ trợ tiền vé máy bay hai chiều

- Đảm bảo đầy đủ các khoản lương, bảo hiểm theo quy định pháp luật Nhật Bản

- Sau khi về nước được nhận khoản tiền hỗ trợ khuyến khích sự nghiệp 200.000 yên/năm (3 năm nhận 600.000 yên, 5 năm nhận 1.000.000 yên - là Chương trình thực tập sinh duy nhất tại Nhật Bản có chế độ này)

- Tổng chi phí tham gia Chương trình (bao gồm ăn, ở, khám sức khỏe khoảng 30.000.000 đồng)

**2.3. Các Chương trình tuyển chọn điều dưỡng viên theo Chương trình Osaka đi thực tập tại Nhật Bản và Vivantes đi thực tập tại CHLB Đức**

- Tuyển chọn đối tượng là sinh viên chuyên ngành điều dưỡng từ hệ Trung cấp trở lên

- Được miễn phí 100 tiền đào tạo trong thời gian đào tạo

- Được hỗ trợ cho vay tiền ăn ở, sinh hoạt phí hoặc bằng hình thức tặng 100% học bổng.

- Không thu phí dịch vụ

- Chế độ phúc lợi đảm bảo theo quy định

### **3. Đề xuất một số cơ chế, phương án đưa người lao động tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia các Chương trình phi lợi nhuận của Trung tâm Lao động ngoài nước**

Mặc dù không phải là một tỉnh có diện tích rộng và dân số đông nhưng Thừa Thiên Huế có lợi thế về điều kiện tự nhiên phong phú đa dạng nên người lao động có kỹ năng, kinh nghiệm làm việc trong các ngành nghề đặc thù như nông, lâm, ngư nghiệp; hệ thống các trường đào tạo nghề được phủ rộng từ hệ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học; người lao động Thừa Thiên Huế chăm chỉ, cần cù, chịu khó. Bên cạnh đó, địa phương đã xác định đi làm việc ở nước ngoài là một trong những giải pháp then chốt trong công tác tạo việc làm bền vững và đã xây dựng được đầy đủ cơ chế, chính sách đồng bộ để hỗ trợ người lao động.

Năm 2024, Trung tâm Lao động ngoài nước dự kiến tuyển chọn 15.000 lao động đi làm việc tại Hàn Quốc, 500 Thực tập sinh đi Thực tập tại Nhật Bản theo Chương trình IM Japan, 50-100 thực tập sinh đi thực tập trong ngành hộ lý theo Chương trình Osaka, đồng thời đang tiếp tục đàm phán với HRD Korea mở rộng các ngành nghề: dịch vụ, công nghiệp gốc... Vì vậy, chúng tôi cho rằng, cơ hội việc làm tại Hàn Quốc, Nhật Bản với thu nhập hấp dẫn với chi phí thấp dành cho người lao động tỉnh Thừa Thiên Huế trong năm 2024 và các năm tiếp theo vẫn rất nhiều, để triển khai thành công kế hoạch của tỉnh đề ra, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề xuất với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm một số nội dung như sau:

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các cán bộ làm công tác lao động về quy trình, nội dung tuyển chọn và các nội dung cụ thể của Chương trình phi lợi nhuận. Để Chương trình phát triển bền vững trước hết cán bộ thực hiện Chương trình phải hiểu và nắm rõ thông tin và các nội dung đặc thù để tư vấn đầy đủ, chính xác cho người lao động. Trung tâm Lao động ngoài nước sẵn sàng hỗ trợ cán bộ tham gia các lớp tập huấn này.

- Phối hợp Thông tin tuyên truyền tới người dân, người lao động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về các Chương trình phi lợi nhuận, trong đó thông tin rõ về quy trình, đối tượng, chi phí và các khoản hỗ trợ để người lao động yên tâm khi dự tuyển và phòng tránh các hành vi tiêu cực.

- Thúc đẩy, hỗ trợ người lao động khu vực nông thôn, miền núi, ven biển và huyện nghèo tham gia Chương trình EPS, IM Japan với một số định hướng cụ thể như: người lao động các huyện A Lưới, Nam Đông tham gia Chương trình EPS trong các ngành nông nghiệp (huyện miền núi và huyện nghèo); người lao động các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc là các huyện ven biển đăng ký trong ngành ngư nghiệp. Đây là các ngành nghề không yêu cầu cao về trình độ tiếng Hàn, mức độ cạnh tranh thấp hơn rất nhiều so với ngành sản xuất chế tạo nên phù hợp với người lao động tại các khu vực này. Đồng thời tổ chức các lớp đào tạo tiếng Hàn tại địa phương để tạo điều kiện cho người lao động thuận lợi tham gia.

- Tổ chức đào tạo tiếng Hàn đạt kết quả tốt nhất cho 354 người lao động đăng ký dự tuyển Chương trình EPS năm 2024.

- Lập cơ sở dữ liệu thông tin người lao động tại các trường dạy nghề có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài để xây dựng định hướng việc làm ở nước ngoài phù hợp với lao động có tay nghề.

- Kết nối cơ sở dữ liệu, tư vấn, định hướng cho người lao động khu vực việc làm trong nước nhận bảo hiểm thất nghiệp về cơ hội làm việc ở nước ngoài với chi phí thấp thông qua các Chương trình phi lợi nhuận của Trung tâm.

- Tạo điều kiện để Trung tâm Lao động ngoài nước kết nối phối hợp với các Trường Y dược trên địa bàn tỉnh để tư vấn, hỗ trợ người lao động tham gia các Chương trình đi làm việc trong ngành điều dưỡng, hộ lý tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Nhật.

Trên đây là một số thông tin về các Chương trình phi lợi nhuận của Trung tâm đang triển khai và các ý kiến đóng góp với Hội nghị. Với sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các chính sách đồng bộ trong đó quyền lợi của người lao động được đặt ở vị trí trung tâm, thông qua chủ đề của Hội nghị lần này, tôi đánh giá Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho UBND tỉnh lựa chọn đúng, trúng giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm bền vững, với những yếu tố nêu, tôi tin tưởng rằng trong thời gian tới công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ đạt được những kết quả tích cực, Trung tâm Lao động ngoài nước sẵn sàng phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan của địa phương triển khai các Chương trình phi lợi nhuận của Trung tâm thuận lợi và đạt kết quả tốt nhất.

Một lần nữa xin kính chúc sức khỏe quý vị đại biểu, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

# CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Ngô Xuân Liễu  
Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm  
Cục Việc làm, Bộ LĐTBXH

## NỘI DUNG

- 1 Xu hướng thị trường lao động
- 2 Chuẩn bị lực lượng lao động cho chuyển đổi số
- 3 Số hoá cung cấp dịch vụ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm
- 4 Cung cấp dịch vụ cho người lao động tại Trung tâm Dịch vụ việc làm

3/14/2024

# Xu hướng thị trường lao động

“Tương lai việc làm sẽ như thế nào?...Yêu cầu kỹ năng gì?”

Tiến bộ của khoa học công nghệ



Thay đổi nhân khẩu học



Chuyển đổi tới nền kinh tế xanh



Thay đổi mô hình doanh nghiệp



## TIỀM NĂNG LỚN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

### KHUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ

#### Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2025, tầm nhìn 2030

- Phát triển trên 3 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số
- Thiết lập doanh nghiệp số Việt Nam phù hợp với năng lực toàn cầu

#### Chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số đến 2025, tầm nhìn 2030

- Kinh tế số chiếm 20% GDP đến 2025 và 30% GDP đến 2030
- Kinh tế số chiếm ít nhất 10% của each lĩnh vực/ngành đến 2025 và ít nhất 20% đến 2030

#### Kế hoạch quốc gia về Thương mại điện tử (2021-2025)

- 55% dân số tham gia mua bán trực tuyến
- Thanh toán không dùng tiền mặt đạt 50%

### XU HƯỚNG

1

**Mua bán trực tuyến đang tăng mạnh**

2

**Dịch vụ thanh toán trực tuyến đang bùng nổ**

3

**Thương mại điện tử và kinh tế số đang tăng trưởng mạnh**

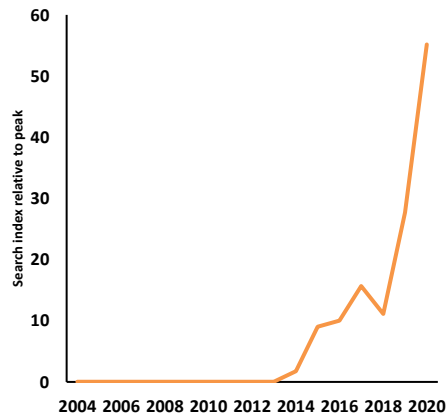
## Số hoá đang tạo ra nhiều việc làm mới

#### • Nhiều việc làm mới trong lĩnh vực ICT và nhiều việc làm liên quan đến dữ liệu đang được tạo ra

- Ví dụ, các tìm kiếm Google đối với cụm từ “full stack developer” xuất hiện lần đầu tại Việt Nam năm 2014, nhưng từ đó đến nay đã tăng rất mạnh.
- Số hoá đã tạo ra việc làm mới gấp hơn 7 lần so với số việc làm mất đi
- 68% số việc làm tại Việt Nam yêu cầu các kỹ năng số.
- Nhu cầu nhân viên IT đến năm 2030 là hơn 1 triệu người.
- Khoảng 10 triệu việc làm mới sẽ được tạo ra đến 2045, chủ yếu trong các ngành dịch vụ hiện đại (Tài chính, truyền thông và du lịch)

(Source: World Bank, 2021 and MOLISA)

*Google searches for “Full Stack Developer” in Vietnam, 2004-2020*



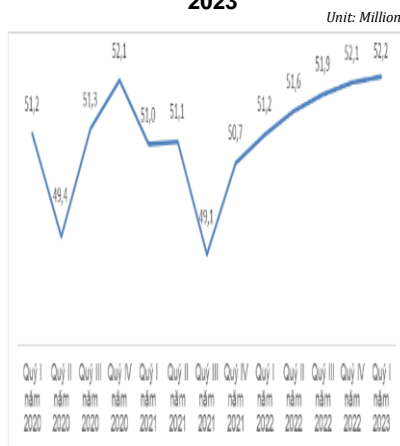
Source: Google Trends.



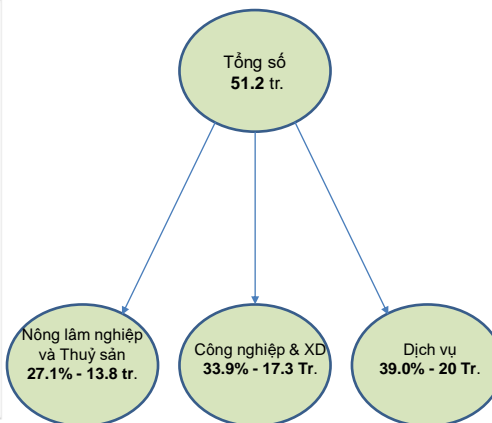
# Chuẩn bị lực lượng lao động cho chuyển đổi số

## Thông tin cơ bản về lao động và việc làm tại Việt Nam

Lực lượng lao động theo quý, từ 2020-2023



Việc làm năm 2023



Tỷ lệ thất nghiệp chung: 2.25% >> Tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên: 7.61%

Source: GSO, 2023

## Định nghĩa kỹ năng số

**Kỹ năng số là một loạt các kỹ năng, khả năng, kiến thức và thói quen làm việc cho phép mỗi người tiếp cận và sử dụng công nghệ số**

- Đây là quan điểm rộng về kỹ năng số, cân nhắc những kỹ năng nào là cần thiết để tham gia vào nền kinh tế - xã hội số
  - *Phân tích sử dụng khung kỹ năng số trong một nghiên cứu cấp khu vực dựa trên một khuôn khổ do UNESCO và EU thiết lập*
- Kỹ năng số trải rộng từ cơ bản, chung chung tới nâng cao và chuyên ngành
  - *Phân tích sử dụng khung để: 1) xác định kỹ năng nào là kỹ năng số và 2) phân loại cấp độ của mỗi kỹ năng số.*

## Khung kỹ năng số

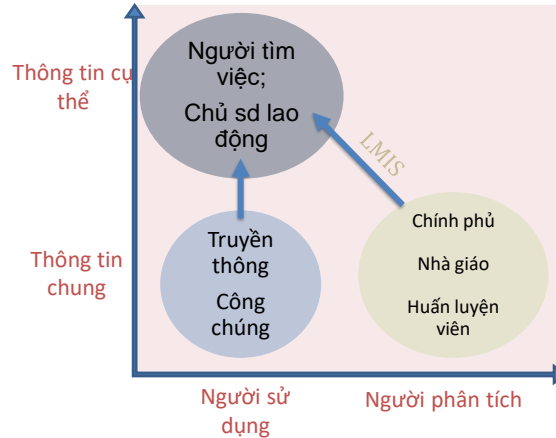
Cấp độ	Định nghĩa	Ví dụ
<b>Cơ bản</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số để thực hiện các công việc cơ bản</li></ul>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Sử dụng các thiết bị số</li><li>2. Trao đổi email</li><li>3. Sử dụng các phần mềm phục vụ bài trình bày, các bảng tính cơ bản</li><li>4. Tìm, quản lý và lưu trữ thông tin, nội dung số (ví dụ truyền thông trên mạng xã hội)</li></ol>
<b>Trung cấp</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khả năng sử dụng phần mềm chuyên nghiệp để phân tích, sáng tạo, quản lý và thiết kế</li></ul>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Sử dụng phần mềm chuyên nghiệp để phân tích, tính toán, quản lý dự án</li><li>2. Tiếp thị số, phân tích truyền thông mạng xã hội</li><li>3. Thiết kế web, thiết kế đồ họa</li></ol>
<b>Cao cấp</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên sâu trong công nghệ thông tin và truyền thông</li></ul>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Lập trình máy tính</li><li>2. Điện toán đám mây, quản lý hệ thống</li><li>3. Trí tuệ nhân tạo</li><li>4. Khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu lớn (big data)</li><li>5. An ninh mạng</li><li>6. Phát triển Web, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm</li></ol>

**Rất cần một hệ thống thông tin thị trường lao động thông minh để phục vụ việc xây dựng chính sách, kết nối cung – cầu lao động và phát triển nguồn nhân lực**

**Thông tin thị trường lao động là gì?**

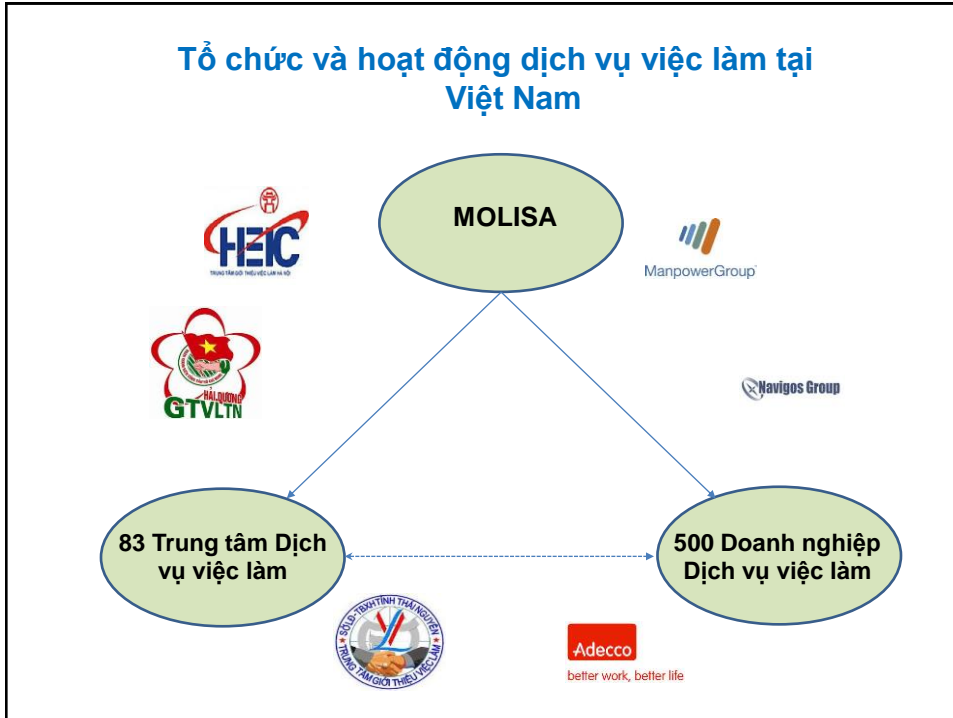
Một chuỗi thông tin về cung cầu lao động, kỹ năng và nhiệm vụ công việc, xu hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm cần tuyển người, nhu cầu tuyển dụng, di chuyển lao động, thu nhập, phát triển sự nghiệp, các phương án giáo dục – đào tạo, ...

LMIS cung cấp cho các bên liên quan trong thị trường lao động thông tin cập nhật để họ có thể ra quyết định tốt hơn

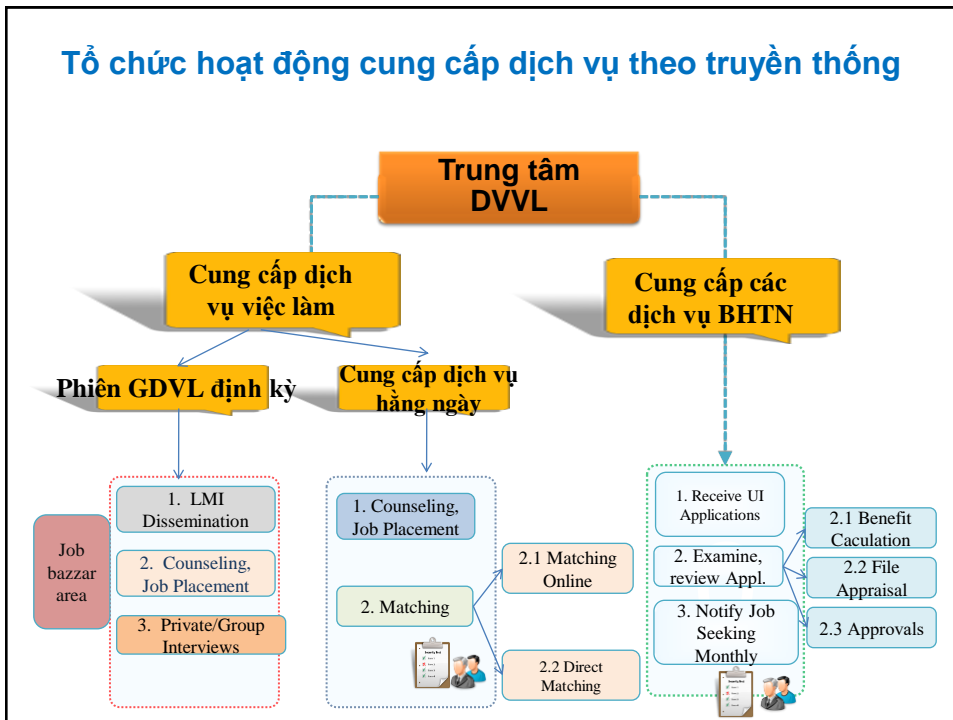


**Số hoá cung cấp dịch vụ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm**

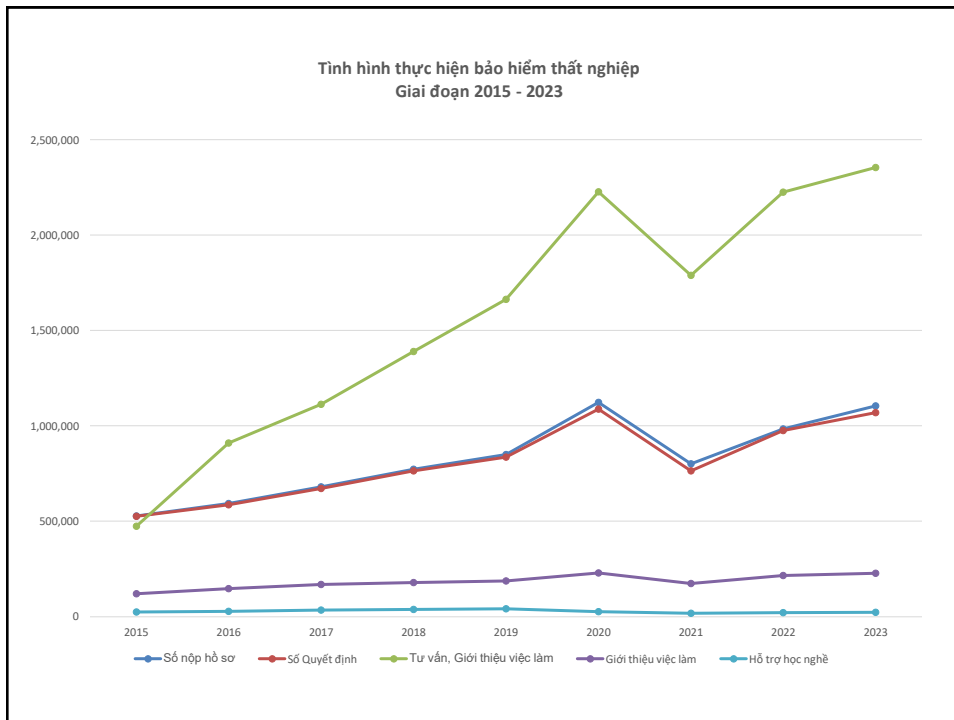
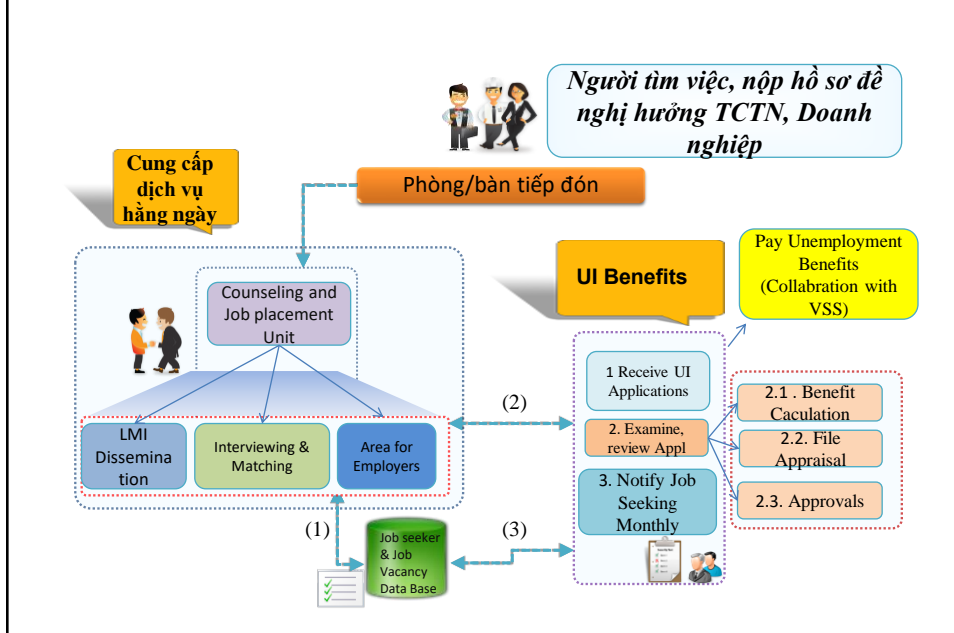
## Tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm tại Việt Nam



## Tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ theo truyền thống



## Tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ theo hướng số hoá



## Cung cấp dịch vụ cho lao động tại Trung tâm DVVL



*Source: VnExpress, 2020*

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**



TRUNG TÂM QUỐC GIA VỀ DỊCH VỤ VIỆC –  
CỤC VIỆC LÀM

## ỨNG DỤNG CNTT TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

*TP. Huế, ngày 15/3/2024*



- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội;

CƠ  
SỞ  
PHÁP  
LÝ



Đầu tư phát triển hiện đại hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm ở các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả đóng vai trò đầu mối thông tin thị trường lao động, điều phối, hỗ trợ và quản lý thị trường lao động trên địa bàn

## Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

• Dự án 4, tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững:

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

**Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu**



**Công văn 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Dự án 4, Tiểu dự án 3 "Hỗ trợ việc làm bền vững" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển**

**1. Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động**  
+ Phần cứng  
+ Phần mềm

**2. Sàn giao dịch việc làm trực tuyến và CSDL người tìm việc-việc tìm người**  
+ Quyết định 985/QĐ-LĐTBXH

**3. Xây dựng CSDL người lao động gắn với CSDL QG về dân cư và các CSDL khác**  
+ Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022





Công văn 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Về hệ thống quản lý thông tin thị trường lao động

• Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm cả phần cứng, phần mềm) đảm bảo phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động.

2. Về xây dựng sàn giao dịch việc làm trực tuyến và cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

• Quyết định số 586/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Tăng cường kết nối cung - cầu lao động”  
 • Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ  
 • Quyết định số 913/QĐ-LĐTBXH ngày 05/8/2022 phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực việc làm giai đoạn 2021-2025”  
 • Quyết định số 985/QĐ-LĐTBXH ngày 26/8/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp”  
 • Trong đó có phần mềm sàn giao dịch việc làm trực tuyến và phần mềm có tính năng thu thập thông tin việc tìm người - người tìm việc thống nhất sử dụng trên toàn quốc  
 • Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) đảm bảo phục vụ hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến và thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác sử dụng thông tin việc tìm người - người tìm việc

3. Về xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

• Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Công an xây dựng phương án thu thập, kết nối cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.  
 • Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) đảm bảo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với việc triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg

Trong quá trình triển khai, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tuân thủ danh mục dữ liệu dùng chung, chuẩn kết nối, đồng bộ trên cả nước về lĩnh vực việc làm theo các Quyết định do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành: Quyết định số 634/QĐ-LĐTBXH ngày 02/06/2021 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1229/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2021 ban hành kiến trúc chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phiên bản 2.0; Quyết định số 1371/QĐ-LĐTBXH ngày 03/12/2021 ban hành bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.



Quyết định số 913/QĐ-LĐTBXH ngày 05/8/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

- **Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, phần mềm và hệ thống thông tin:**
  - Hệ thống thông tin quản lý lao động.
  - Hệ thống thông tin quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
  - Hệ thống thông tin quản lý về bảo hiểm thất nghiệp liên thông kết nối, chia sẻ thông tin với Bảo hiểm xã hội các cấp.
  - Phần mềm kết nối cung, cầu lao động.
  - Sàn giao dịch việc làm trực tuyến.
  - Hệ thống nghiệp vụ dịch vụ việc làm tại Trung tâm dịch vụ việc làm.
  - Nền tảng tích hợp dữ liệu và kho lưu trữ dữ liệu điện tử tập trung; thu thập, cập nhật, số hóa khai thác dữ liệu về thị trường lao động.
  - Hệ thống tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường lao động.
  - Phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực lao động, việc làm với Nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ.
  - Cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tác nghiệp, kết nối cơ sở dữ liệu an sinh xã hội và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực lao động việc làm.



**Quyết định số 985/QĐ-LĐTBXH ngày 26/8/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực việc làm về bảo hiểm thất nghiệp”**

**Nội dung và quy mô đầu tư:**

- (i) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu về bảo hiểm thất nghiệp;
- (ii) Xây dựng phần mềm kết nối cung, cầu lao động cho lao động thất nghiệp;
- (iii) Xây dựng sàn giao dịch việc làm trực tuyến kết nối toàn quốc;
- (iv) Xây dựng phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực lao động, việc làm với nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ;
- (v) Nâng cấp, sung thiết bị phần cứng tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ để đáp ứng yêu cầu ứng dụng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, đảm bảo an toàn thông tin;
- (vi) Tập huấn, chuyển giao công nghệ cho người sử dụng ở các cấp từ trung ương đến địa phương. Quy mô và nội dung đầu tư cụ thể sẽ được xác định khi lập dự án đầu tư theo quy định



**Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ**

- **Điều 7. Nhiệm vụ của trung tâm dịch vụ việc làm:**
  1. Hoạt động tư vấn.
  2. Giới thiệu việc làm cho người lao động.
  3. Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.
  4. Thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động.
  5. Phân tích và dự báo thị trường lao động.
  6. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm.
  7. Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.



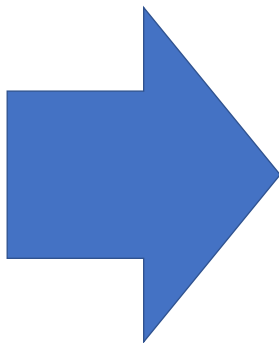
## Phần mềm đã và đang triển khai tại các TTDVVL

1. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Vnptioffice); hòm thư điện tử công vụ
2. Website người tìm việc – việc tìm người.
3. Phần mềm quản lý người tìm việc – việc tìm người.
4. Phần mềm chấp nối cung – cầu.
5. Hệ thống quản lý văn bản, điều hành của tỉnh/thành phố
6. Phần mềm kế toán: Misa, Das 10.
7. Thủ tục hành chính công, dịch vụ công của tỉnh/thành phố
8. Phần mềm Quản lý tài sản
9. Phần mềm kế toán
10. Phần mềm diệt virus

11. Phần mềm Eoffice
12. Phần mềm tìm kiếm hồ sơ số hóa BHTN.
13. Phần mềm số hóa ( chữ ký số)
14. Phần mềm một cửa
15. Phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung
16. Phần mềm quản lý thông báo bằng mã vạch
17. Quản lý an toàn hệ thống vệ sinh lao động
18. Quản lý nguồn nhân lực xã hội
19. Hệ thống bắt một số điểm dừng

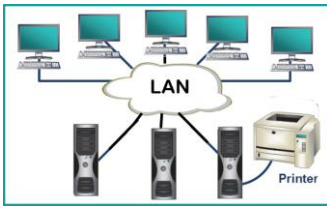


## Các cơ sở dữ liệu liên quan đến nghiệp vụ việc làm đã và đang được triển khai



1. CSDL văn bản quy phạm pháp luật
2. CSDL nhân lực xã hội.
3. CSDL người tìm việc – việc tìm người.
4. CSDL một cửa.
5. CSDL chấp nối cung – cầu lao động
6. CSDL thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh/thành phố
7. CSDL vệ sinh an toàn lao động
8. CSDL về dạy nghề

## Hệ hống mạng tại các TTĐVVL



1. Số tỉnh đã có mạng LAN: 39/41
2. Số tỉnh mạng LAN chạy ổn định: 31/41
3. Hình thức kết nối mạng LAN: có dây, không dây
4. Số tỉnh có kết nối ra internet : 41
5. Số tỉnh Hệ thống mạng có được bảo trì, bảo dưỡng định kì : 33/41
6. Số tỉnh Hệ thống mạng hiện nay có đáp ứng yêu cầu sử dụng: 35/41

## Nhu cầu về phần mềm

1. Nâng cấp hệ thống phần mềm cung – cầu lao động.
2. Hệ điều hành và bộ soạn thảo văn bản có bản quyền: Window, office.
3. Hệ thống phần mềm quản lý, kết nối giữa người tìm việc – việc tìm người, kết xuất báo cáo theo tuần, tháng, quý.
4. Sàn giao dịch việc làm online kết nối tất cả các tỉnh/thành phố.
5. Nâng cấp hệ thống phần mềm BHTN đáp ứng nghị định mới.
6. Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý lao động xuất khẩu lao động, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
7. Xây dựng hệ thống phần mềm dùng chung dữ liệu kết nối các tỉnh/thành phố, dự báo thông tin thị trường lao động.
8. Kết nối online giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên các huyện thành phố.
9. Xây dựng App trên thiết bị thông minh, điện thoại về người tìm việc – việc tìm người.
10. Nhập, quản lý hệ thống dữ liệu trong công tác thu thập thông tin thị trường lao động.
11. Xây dựng hệ thống website về việc làm kết nối các tỉnh/thành phố.
12. Phần mềm quản lý theo dõi lao động, doanh nghiệp.
13. Phần mềm phân tích dự báo thông tin thị trường lao động.
14. Nâng cấp phần mềm cấp phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
15. Phần mềm quản lý dữ liệu lao động đi làm việc ở tỉnh ngoài.
16. Phần mềm hỗ trợ tư vấn.
17. Phần mềm báo cáo về lao động việc làm, bảo hiểm thất nghiệp.
18. Phần mềm nhắc lịch hẹn cho người lao động tham gia hưởng bảo hiểm thất nghiệp.



## Nhu cầu về xây dựng các CSDL



- CSDL người tìm việc – việc tìm người.
- CSDL quản lý lao động việc làm.
- CSDL người lao động: Quản lý quá trình tham gia thị trường của người lao động.
- CSDL doanh nghiệp: quản lý lao động và biến động lao động, nhu cầu về lao động của doanh nghiệp.
- CSDL quản lý xuất khẩu lao động.
- CSDL về sàn giao dịch việc làm.
- CSDL an sinh xã hội.
- Cơ sở dữ liệu tích hợp về bảo hiểm: BHXH, BHTN, BHYT, BHNT tại địa phương; CSDL tích hợp về TTLĐ.
- CSDL lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước.
- Chuẩn hóa CSDL cung – cầu lao động.
- CSDL về Quản lý lao động – việc làm – giáo dục nghề nghiệp.



## Nhu cầu về phần cứng



- Hệ thống máy chủ lưu trữ và bản quyền phần mềm thương mại
- Hệ thống máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng... phục vụ hoạt động quản lý, tác nghiệp nghiệp vụ TTDVVL
- Hệ thống an ninh mạng
- Hệ thống một cửa
- Hệ thống hỗ trợ in ấn, quét tài liệu...
- Hệ thống hiển thị thông tin thị trường lao động
- .....

Nhu cầu ứng dụng CNTT tại các TTDV VL



## Nhu cầu về kết nối, chia sẻ thông tin

1. Thông tin về lao động trong độ tuổi có nhu cầu tìm kiếm việc làm.
2. Thông tin về việc làm trống.
3. Dữ liệu người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội.
4. Dữ liệu Cung, cầu lao động.
5. Người tìm việc, tuyển dụng.
6. Thông tin thị trường lao động; bảo hiểm thất nghiệp; thông tin đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; thông tin đơn vị nộp thuế; thông tin doanh nghiệp mới thành lập.
7. Thông tin tuyển dụng lao động mà các bộ phận chuyên môn thu thập được.
8. Phần mềm website khai thác chung dữ liệu lao động, doanh nghiệp giữa các tỉnh/thành phố trên cả nước.
9. Kết nối với dữ liệu BHXH để: đối chiếu thông tin hồ sơ, báo cáo chỉ số đánh giá, theo dõi tình trạng việc làm, thời gian chi trả, .. Hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội: sử dụng dữ liệu phục vụ mục đích thống kê báo cáo.

10. Dữ liệu kết quả điều tra lao động việc làm hàng tháng; dữ liệu về BH, BHXH, BHTN, BHYT, BHNT; dữ liệu về doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập mới, tạm dừng hoạt động, giải thể, phá sản; dữ liệu số lượng học sinh học mới, tốt nghiệp các cấp.
11. Nhu cầu tuyển dụng lao động của DN; Nhu cầu tìm việc của người lao động.
12. Phần mềm /website khai thác chung dữ liệu lao động, doanh nghiệp giữa các tỉnh, thành phố trên cả nước, Phần mềm kết nối tổ chức Sàn giao dịch việc làm trực tuyến.
13. Lao động đóng bảo hiểm xã hội, GRDP, các liệu về dân số và người lao động.
14. Thông tin về người lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh; thông tin người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
15. Dữ liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, ...

Khó khăn trong ứng dụng CNTT tại các TTDV VL



## Một số khó khăn trong ứng dụng CNTT

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho các hoạt động giới thiệu việc làm còn thiếu thốn, lạc hậu, đặc biệt là các trang thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ cho tự động hoá các hoạt động thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm.
- Sự phối hợp hoạt động giữa các Trung tâm còn hạn chế, đặc biệt trong lĩnh vực thu thập, cung cấp các thông tin thị trường lao động, do vậy chưa phát huy tốt chức năng là cầu nối giữa cung và cầu lao động giữa các vùng, tỉnh, thành phố.
- Chưa có phần mềm quản lý tác nghiệp nội bộ tại Trung tâm DVVL dẫn đến thông tin bị chia cắt giữa các phòng ban, không có sự chia sẻ thông tin giữa các phòng ban của Trung tâm, gây khó khăn cho việc tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề tại Trung tâm.
- Chưa thống nhất được mẫu biểu thu thập thông tin về việc làm trống, người tìm việc nên mỗi trung tâm DVVL đều tự xây dựng mẫu biểu thu thập thông tin của riêng mình.
- Chưa có quy trình thu thập, quản lý, lưu trữ thông tin thị trường lao động thống nhất của trung tâm.

**Giải pháp ứng dụng CNTT trong hoạt động DVVL**

## Mục tiêu

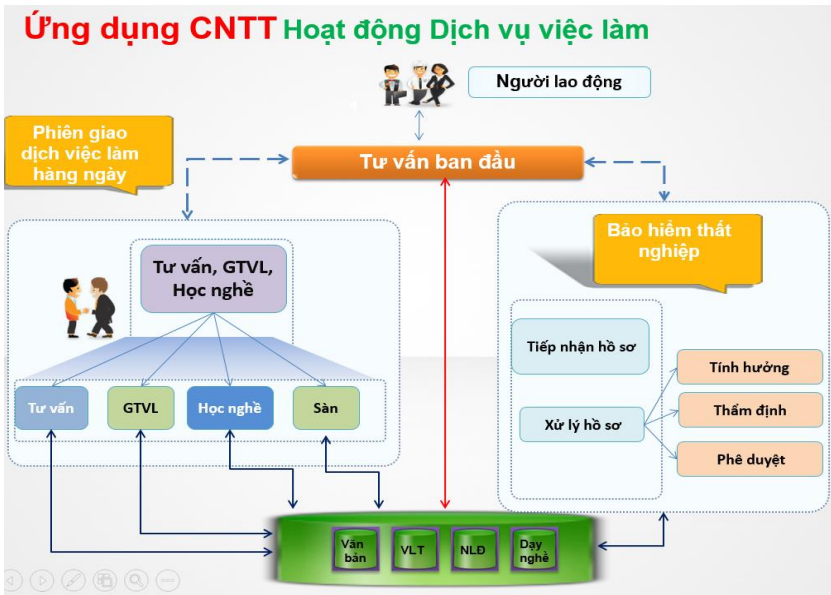


- Nâng cao hiệu quả hoạt động tại Trung tâm DVVL.
- Thống nhất quy trình tác nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm DVVL.
- Xây dựng mô hình chung ứng dụng CNTT trong hoạt động dịch vụ việc làm.
- Quy hoạch lại các quy trình nghiệp vụ của từng phòng ban thuộc TTDVVL.
- Xây dựng các CSDL dùng chung.
- Hướng đến mô hình hoạt động giao dịch việc làm diễn ra hàng ngày.
- Kết nối, chia sẻ thông tin giữa các phòng ban trong Trung tâm DVVL và giữa các Trung tâm DVVL trên cả nước.
- Kết nối, chia sẻ thông tin với các doanh nghiệp hoạt động DVVL và các cơ quan khác có liên quan.

**Giải pháp ứng dụng CNTT trong hoạt động DVVL**

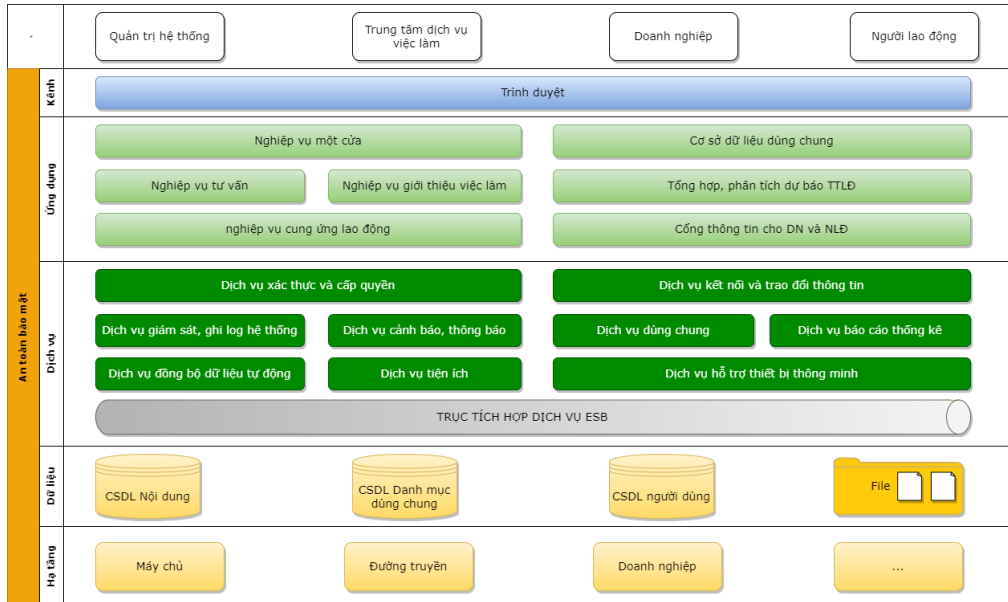
## Mô hình ứng dụng CNTT tại Trung tâm

### Ứng dụng CNTT Hoạt động Dịch vụ việc làm



The diagram illustrates the IT application model for job service activities. It shows the flow from 'Người lao động' (Job seekers) through 'Tư vấn ban đầu' (Initial consultation) to various service areas: 'Tư vấn, GTVL, Học nghề' (Consultation, Job Placement, Vocational Training) and 'Bảo hiểm thất nghiệp' (Unemployment Insurance). The vocational training area is further divided into 'Tư vấn', 'GTVL', 'Học nghề', and 'Sàn'. The unemployment insurance area includes 'Tiếp nhận hồ sơ' (Receiving files) and 'Xử lý hồ sơ' (Processing files), with sub-steps like 'Tình huống', 'Thẩm định', and 'Phê duyệt'. At the bottom, there are boxes for 'Văn bản', 'VLT', 'NLD', and 'Đạy nghề'.

## Mô hình kiến trúc của hệ thống



## Nội dung đầu tư



Đầu tư hạ tầng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giao dịch việc làm

Xây dựng phần mềm nghiệp vụ dịch vụ việc làm

Xây dựng cổng thông tin điện tử việc làm (website/App) hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, người lao động

Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ với các sở, ban ngành liên quan về lao động, việc làm

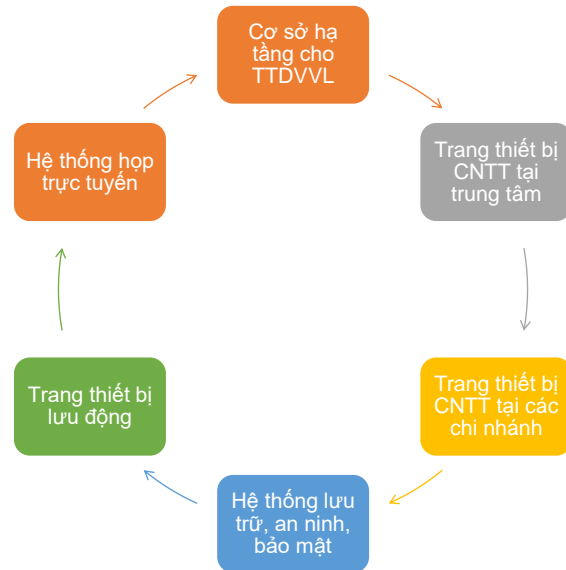
Xây dựng phần mềm tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường lao động trên địa bàn tỉnh

Xây dựng CSDL dùng chung của TTDVVL



## Phản ứng: Đầu tư hạ tầng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giao dịch việc làm

- Xây dựng hạ tầng cơ bản
- Hệ thống máy chủ lưu trữ và bản quyền phần mềm thương mại
- Hệ thống máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng... phục vụ hoạt động quản lý, tác nghiệp nghiệp vụ TTDVVL
- Hệ thống an ninh mạng
- Hệ thống một cửa
- Hệ thống hỗ trợ in ấn, quét tài liệu...
- Hệ thống hiển thị thông tin thị trường lao động
- Hệ thống kết nối hội thoại trực tuyến
- Hệ thống phục vụ marketing về thị trường lao động
- Hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ TTDVVL và các điểm đầu mối.
- ...



## Phần mềm: Xây dựng phần mềm nghiệp vụ dịch vụ việc làm



## »» Xây dựng cổng thông tin điện tử việc làm (website/App)

Doanh nghiệp đăng tin tuyển dụng, tìm kiếm ứng viên qua mạng

Doanh nghiệp thực hiện Khai trình lao động trực tuyến



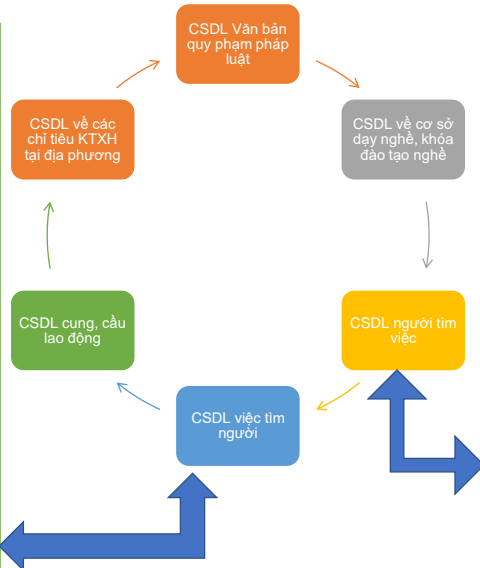
Cung cấp, chia sẻ thông tin thị trường lao động

Đăng ký tư vấn, GTVL, học nghề, phỏng vấn trực tuyến

## »» Xây dựng các CSDL dùng chung

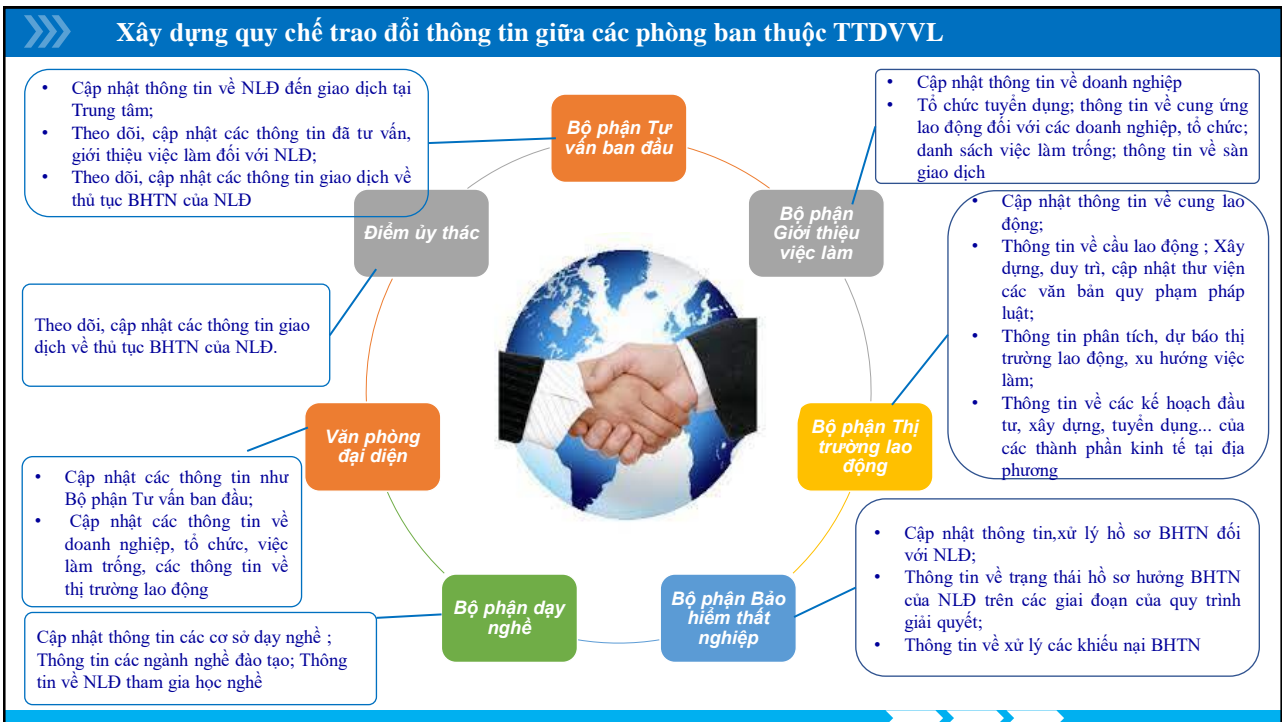
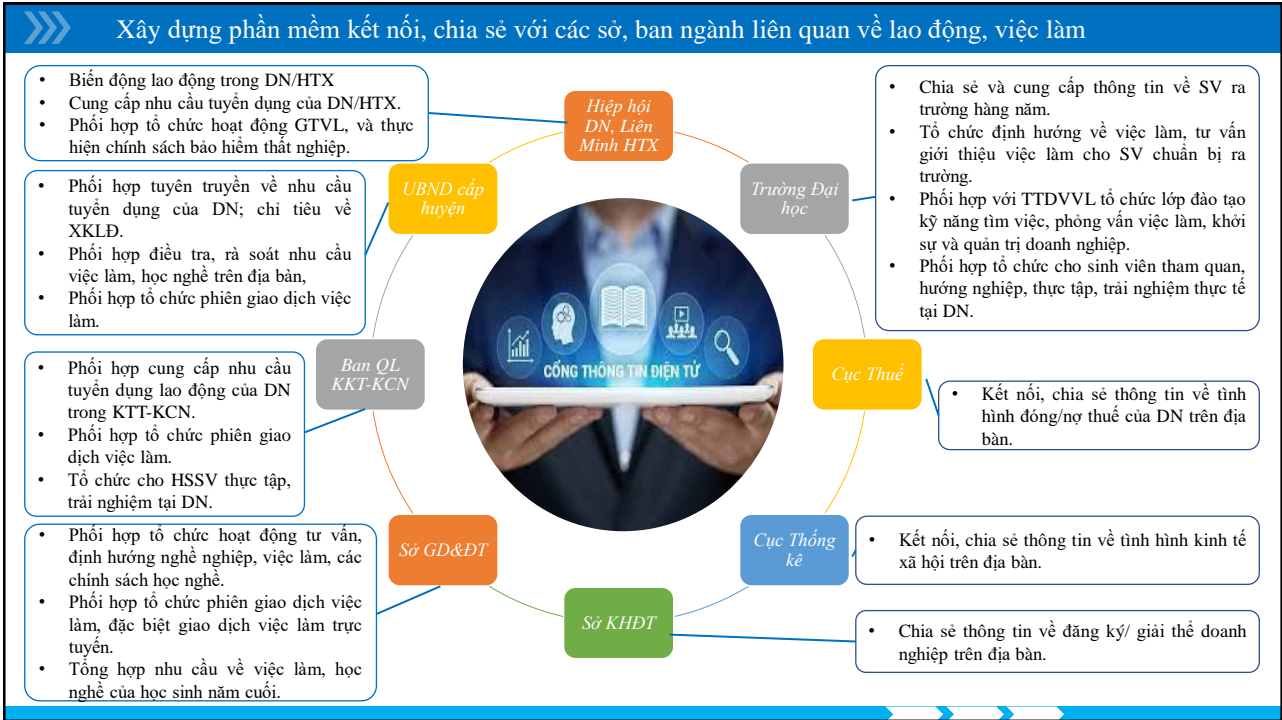
### *Nguồn thu thập thông tin việc làm trong, bao gồm :*

- Thu thập thông tin việc làm trong trực tiếp tại doanh nghiệp
- Thu thập thông tin việc làm trong thông qua sàn giao dịch việc làm
- Thu thập thông tin việc làm trong từ doanh nghiệp trực tiếp đăng ký tuyển dụng tại Trung tâm
- Thu thập thông tin việc làm trong từ các doanh nghiệp có người lao động thất nghiệp
- Thu thập thông tin việc làm trong từ các doanh nghiệp đăng ký tuyển dụng qua website của Trung tâm
- Thu thập thông tin việc làm trong từ các địa phương khác.



### *Nguồn thu thập thông tin người tìm việc, bao gồm :*

- Thu thập, lưu trữ thông tin người tìm việc tham gia phiên giao dịch việc làm
- Thu thập, lưu trữ thông tin người tìm việc trực tiếp đăng ký tìm việc tại Trung tâm
- Thu thập, lưu trữ thông tin người tìm việc đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm
- Thu thập, lưu trữ thông tin người tìm việc đăng ký tìm việc qua website của Trung tâm
- Thu thập, lưu trữ thông tin người tìm việc từ các địa phương khác.



## »» Nguồn vốn đầu tư



## Quy trình triển khai các thủ tục đầu tư theo nghị định số 73/2019/NĐ-CP



**Trân trọng cảm ơn!**

# KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM TỔ CHỨC TUYỂN TRUYỀN ĐÀO TẠO TIẾNG HÀN CHO ỨNG VIÊN CÓ NGUYỆN VỌNG ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC THEO CHƯƠNG TRÌNH EPS

*Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình*

Kính thưa: .....

Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng đối với mỗi quốc gia, nhất là ở các nước đang phát triển. Việt Nam chúng ta đã chủ động hội nhập với thế giới, tận dụng nguồn lực quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là biện pháp thực hiện chủ trương giải quyết vấn đề an sinh xã hội, giảm tỷ lệ thất nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ lao động, tác phong làm việc... từ đó nâng cao mức thu nhập, mức sống của gia đình người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững và làm thay đổi diện mạo nông thôn.

Hiện nay, chúng ta có một số chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như: Chương trình thực tập sinh Nhật Bản (IM Japan), Điều dưỡng Đức, Nhật, đây đều là các chương trình phi lợi nhuận và có thu nhập tương đối ổn định, đặc biệt có chương trình đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài (gọi tắt là Chương trình EPS) là chương trình phi lợi nhuận, có chi phí thấp (khoảng 630 USD) nhưng có thu nhập tương đối cao (1.500 - 2.000 USD/tháng), được nhiều người lao động quan tâm. Tuy nhiên, muốn đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình này người lao động phải học tập tiếng Hàn để dự và vượt qua kỳ thi tiếng Hàn Quốc do phía Hàn Quốc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam tổ chức.

Hàng năm, tỉnh Quảng Bình cần phải giải quyết việc làm cho khoảng 19.000-20.000 lao động, với bối cảnh thị trường lao động trong tỉnh chưa phát triển, chủ yếu các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhu cầu sử dụng lao động ít nên việc đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài đặc biệt là đi làm việc ở một số nước truyền thống, ổn định, có chi phí thấp, thu nhập cao (như Nhật Bản, Hàn Quốc) thông qua một số chương trình phi lợi nhuận là một trong những giải pháp quan trọng góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

## **I. Thị trường lao động của tỉnh Quảng Bình**

### **1. Dân số và lực lượng lao động<sup>1</sup>**

- Dân số, lao động và việc làm: Dân số trung bình năm 2022 của tỉnh Quảng Bình là 913.862 người, tăng 3.207 người, tương đương tăng 0,35% so với năm 2021. Trong đó: Dân số thành thị 211.701 người, chiếm 23,17%; dân số nông thôn 702.161 người, chiếm 76,83%.

<sup>1</sup> Số liệu theo niên giám thống kê năm 2022.

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Quảng Bình đạt 434.769 người, tăng 1.806 người, tương đương tăng 0,42% so với năm 2021; trong đó: Lao động nam chiếm 52,21%; lao động nữ chiếm 47,79%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 24,57%; khu vực nông thôn chiếm 75,43%.

- Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2022 của tỉnh Quảng Bình là 421.989 người; trong đó: Lao động khu vực kinh tế nhà nước là 47.310 người, chiếm 11,21% lao động đang làm việc toàn tỉnh; khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 372.256 người, chiếm 88,21%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 2.423 người, chiếm 0,57%.

- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp nghề trở lên của tỉnh Quảng Bình đạt 26,98%; trong đó: Lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 44,6% và khu vực nông thôn đạt 21,3%; lao động đã qua đào tạo nam giới đạt 31,1% và nữ giới đạt 22,5%. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi tỉnh Quảng Bình năm 2022 là 3,35%; trong đó: Khu vực thành thị là 2,65%; khu vực nông thôn là 3,59%; tỷ lệ thất nghiệp nam giới là 3,56% và nữ giới là 3,10%.

## **2. Đơn vị, doanh nghiệp đăng ký kinh doanh<sup>2</sup>**

Ước tính trong năm 2023, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới cho 572 doanh nghiệp với số vốn đăng ký hơn 6.700 tỷ đồng; có 347 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động; 40 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, 233 doanh nghiệp hoạt động trở lại. Đến hết năm 2023, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 8.532 doanh nghiệp với số vốn đăng ký hơn 113.830 tỷ đồng. Công tác chuẩn hóa và số hóa dữ liệu thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tiếp tục được hoàn thiện.

## **3. Nhu cầu tuyển dụng lao động của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh<sup>3</sup>**

Trong năm 2023 (tính từ 01/01/2023 - 19/12/2023): có 184 doanh nghiệp với 303 lượt tuyển dụng với 6.510 chỉ tiêu thông qua Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Bình. Nhu cầu tuyển dụng chủ yếu tập trung ở các ngành nghề như: xây dựng: 178 chỉ tiêu (chiếm 2,73%); kinh tế: 434 chỉ tiêu (chiếm 6,6%); dịch vụ: 1352 chỉ tiêu (chiếm 20,7%); kỹ thuật: 1.104 chỉ tiêu (chiếm 16,9%) ; LĐPT: 3.533 chỉ tiêu (chiếm 54,2%).

## **4. Nhu cầu tìm kiếm việc làm trong tỉnh, trong nước và đi làm việc ở nước ngoài và học nghề<sup>4</sup>**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Số người trên 15 tuổi có nhu cầu tìm kiếm việc làm, học nghề</b>	<b>Người</b>	<b>28.277</b>	
<b>2</b>	<b>Nhu cầu tìm kiếm việc làm, học nghề</b>	<b>Lượt</b>	<b>36.473</b>	

<sup>2</sup> Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2023 của Cục thống kê tỉnh Quảng Bình

<sup>3</sup> Báo cáo hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Bình

<sup>4</sup> Kết quả thu thập thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh năm 2023.

## **5. Kết quả giải quyết việc làm cho người lao động<sup>5</sup>**

Tính đến cuối năm 2023, có 20.360/18.500 lao động được giải quyết việc làm, đạt 110% so với kế hoạch; trong đó có 6.042/3.700 lao động được tuyển chọn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 163,3% so với kế hoạch.

Trong năm 2023, để nâng cao chất lượng giải quyết việc làm Trung tâm DVVL Quảng Bình đã tổ chức 60 phiên giao dịch việc làm; có 23.996 lượt người được tư vấn về các chế độ, chính sách việc làm, học nghề; 2.286 lượt người được giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động; tổ chức đào tạo với 1.021 học viên tham gia.

## **II. Công tác đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài**

Xác định công tác đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động, từ đó nâng cao mức thu nhập, mức sống của gia đình người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững và làm thay đổi diện mạo nông thôn. Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình đã thường xuyên chỉ đạo thực hiện tăng cường, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối với chủ trương này để mọi người dân đều được biết<sup>6</sup> và ban hành nhiều chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện công tác đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài<sup>7</sup>. Đến nay, số lượng người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài ngày một tăng lên, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19, thị trường lao động trong nước có những biến động nhất định. Năm bắt nhu cầu của người lao động trong tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó nhấn mạnh các nội dung về chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi đối với người lao động và giáo dục pháp luật, tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên từ cấp tỉnh đến cơ sở bằng nhiều hình thức khác nhau

Giai đoạn 10 năm (2013 - 2023), tỉnh Quảng Bình chứng kiến sự thay đổi trên nhiều phương diện từ đời sống xã hội đến phát triển kinh tế nhờ vào hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Chính sách đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm cho người lao

<sup>5</sup> Báo cáo số 777/BC-SLĐTBXH ngày 22/12/2023 của Sở LĐ-TB&XH

<sup>6</sup> Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 08/5/2012 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới; Nghị quyết Số 225/NQ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW.

<sup>7</sup> Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 1500/KH-UBND ngày 12/9/2016 về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 13/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 30/3/2021 về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy...; Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 23/02/2022 về giải quyết việc làm và phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025.



động tỉnh Quảng Bình, làm giảm áp lực về việc làm trong nước; tăng thu nhập, mức sống của người lao động (mức lương cơ bản trung bình của người lao động đi làm việc ở nước ngoài dao động từ 15 - 45 triệu đồng/tháng tùy theo từng thị trường lao động), từ đó góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn góp phần trong thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh, tăng nguồn thu ngoại tệ, giảm áp lực phụ thuộc vào các nguồn đầu tư ngoài nước. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là nguồn động lực thúc đẩy việc nâng cao chất lượng nguồn lao động tỉnh Quảng Bình, người lao động đi làm việc ở nước ngoài có cơ hội tiếp cận với tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất của các nước phát triển, được làm việc trong môi trường quốc tế, yêu cầu kỷ luật cao và rèn luyện tác phong làm việc công nghiệp, năng suất, chất lượng. Những kiến thức, trải nghiệm tích lũy được từ quá trình làm việc ở nước ngoài giúp người lao động tự tin hơn sau khi trở về Việt Nam lập nghiệp.

- Trong 10 năm qua, toàn tỉnh có trên 30.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài, năm 2023 có trên 6.000 lao động xuất cảnh, người lao động Quảng Bình chủ yếu đi làm việc tại các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và một số nước châu Âu như Đức, Hungari, Cộng hòa Séc,... Nổi bật trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có các địa phương, đơn vị như: huyện Bố Trạch, huyện Tuyên Hóa, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên, Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Quảng Bình...

### **III. Tình hình người lao động của tỉnh đi làm tại Hàn Quốc theo chương trình EPS**

#### **1. Tình hình và kết quả đạt được**

Thực hiện chủ trương đưa người Việt Nam đi làm tại Hàn Quốc theo chương trình EPS, các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể trong tỉnh và đặc biệt là sự quan tâm hỗ trợ của Cục Quản lý lao động ngoài nước, Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công tác đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc của tỉnh Quảng Bình đã thu được nhiều kết quả khả quan, khẳng định đây là một trong những thị trường thuận lợi trong việc giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo trong thời gian qua, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã kịp thời triển khai quán triệt các chủ trương của Đảng<sup>8</sup> đối với công tác đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS nên đã nâng cao về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế- xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân; từ tỉnh đến cơ sở có nhiều giải pháp triển khai tích cực, năng động, sáng tạo phù hợp với điều kiện của từng địa phương, cơ sở. Do vậy, hoạt động đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc đã đạt được những

<sup>8</sup> Chỉ thị số [12/CT-TTg](#) ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý người lao động Việt Nam tại Hàn Quốc

kết quả đáng phấn khởi, số lao động được xuất cảnh năm sau thường cao hơn năm trước, lao động của tỉnh Quảng Bình đi làm việc ở Hàn Quốc đa số hoạt động trong các ngành sản xuất chế tạo (chiếm trên 70%), nông nghiệp, ngư nghiệp (chiếm 20%), số còn lại hoạt động trong ngành xây dựng và dịch vụ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã bám sát các văn bản hướng dẫn của cấp trên và phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương làm tốt công tác đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS đúng quy định. Luôn phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn báo chí, truyền hình trên địa bàn tỉnh để tuyên truyền các chế độ chính sách về chương trình EPS đến người lao động có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình này. Đồng thời tổ chức đón tiếp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động có nguyện vọng đến đăng ký dự thi, làm hồ sơ và các thủ tục khác có liên quan cũng như thông báo lịch xuất cảnh và các thông tin khác đến người lao động góp phần đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi theo chương trình này.

Bằng nhiều giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ lao động cư trú bất hợp pháp, đến nay tỉnh Quảng Bình đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ quan lao động Hàn Quốc đưa ra khỏi danh sách tạm dừng tuyển chọn người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giao cho Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Bình làm đầu mối thực hiện việc tiếp nhận đăng ký, tổ chức đào tạo và hướng dẫn, tiếp nhận các thủ tục hồ sơ cho người lao động đăng ký dự thi và dự tuyển đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS. Hàng năm, trên cơ sở văn bản hướng dẫn về đăng ký dự thi tiếng Hàn và các thủ tục có liên quan của Trung tâm Lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thông báo rộng rãi nội dung, kế hoạch đăng ký dự thi tiếng Hàn đến người lao động trên địa bàn tỉnh được biết để tham gia đăng ký; đồng thời chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Bình tổ chức tiếp nhận đăng ký, tổ chức đào tạo tiếng Hàn cho người lao động nếu có nhu cầu, thông báo kế hoạch dự thi, kết quả dự thi, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đối với người lao động trúng tuyển và hướng dẫn các thủ tục liên quan cho người lao động xuất cảnh.

Từ năm 2021 đến 2023 toàn tỉnh đạt kết quả, cụ thể:

<b>TT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Tổng</b>
1	Số người đăng ký	564	843	1.542	<b>2.949</b>
2	Số lượng người học tiếng Hàn Quốc tại Trung tâm	379	403	873	<b>1.655</b>
3	Số lượng đạt kết quả	Không thi	674	560	<b>1.234</b>
4	Số lượng xuất cảnh	49	354	548	<b>951</b>

## **2. Đánh giá chung**

### *a) Về ưu điểm*

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã được thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, Mặt trận, đoàn thể thực hiện đồng bộ các chính sách, cơ chế, giải pháp tập trung hướng vào người lao động, người có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo chương trình EPS. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật và các thông tin liên quan đến chương trình này đều được triển khai đồng bộ, với nhiều hình thức phù hợp để đưa thông tin đến người lao động có nhu cầu đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS một cách kịp thời, chính xác và mang lại hiệu quả cao.

Việc giao cho Trung tâm dịch vụ việc làm làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Trung tâm Lao động ngoài nước và UBND các huyện, thị xã, thành triển khai thực hiện chương trình này đã đem lại hiệu quả tốt, hạn chế những phát sinh không đáng có và tận dụng được cơ sở vật chất, đội ngũ viên chức của Trung tâm.

Một điểm thuận lợi nữa đó là, Quảng Bình là một trong những tỉnh có phong trào đi làm việc ở nước ngoài cao.

### *b) Về hạn chế*

Mặc dù đã được tuyên truyền chương trình đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc (EPS) rất nhiều, nhưng vẫn còn có một số chính quyền địa phương và người lao động chưa nắm kỹ các thông tin về chương trình nên vẫn còn tình trạng, người lao động đến đăng ký tham gia chương trình chưa kịp thời, chưa tham gia học tiếng Hàn Quốc để đảm bảo trình độ khi tham gia dự thi, bên cạnh đó, vẫn còn một số trường hợp bị một số đối tượng “cò mồi” thu thêm tiền, hứa hẹn bao đỗ, bao đi nhanh làm ảnh hưởng đến chương trình và thiệt hại cho người lao động.

Số lượng người lao động có nhu cầu đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS đến đăng ký dự thi nhiều nhưng kết quả thi đỗ còn hạn chế, trong những năm qua tỷ lệ thi đỗ chỉ đạt khoảng 30 - 50%. Bên cạnh đó, có một số địa phương ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, mặc dù tay nghề của người lao động rất tốt (như ngành nông nghiệp, ngư nghiệp đi biển) nhưng do khả năng tiếp thu tiếng Hàn Quốc hạn chế nên kết quả dự thi tiếng Hàn Quốc đạt không cao

Số lượng lao động vi phạm hợp đồng, cư trú và làm việc bất hợp pháp tại Hàn Quốc có số lượng cao làm ảnh hưởng đến uy tín của người lao động Việt Nam nói chung cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của chính người lao động đó và ảnh hưởng rất nhiều lao động khác tại tỉnh Quảng Bình nói riêng vì bị phía Hàn Quốc tạm dừng tuyển chọn trong rất nhiều năm.

### *c) Nguyên nhân*

Nhu cầu người lao động của Việt Nam nói chung và nhu cầu của người lao động tỉnh Quảng Bình đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS rất nhiều, nhưng chỉ tiêu tuyển chọn thấp hơn nhu cầu thực tế. Việc áp dụng tuyển chọn điểm

sản như nhau trên cả nước, cũng có những khó khăn nhất định khi điều kiện kinh tế - xã hội giữa các tỉnh đang còn có sự chênh lệch lớn dẫn đến điều kiện học tập, kết quả đạt được của người lao động giữa các tỉnh còn có sự chênh nhau, chưa thực sự tạo điều kiện cho những người lao động ở vùng khó khăn hơn tham gia chương trình này, bên cạnh đó người lao động làm nghề ngư nghiệp, mặc dù kỹ năng làm nghề biển rất tốt nhưng khả năng học tập, tiếp thu tiếng Hàn thì hạn chế dẫn đến kết quả thi tuyển cũng không cao, chưa tận dụng được lợi thế về khả năng làm trên biển của những người lao động này.

Một số quy định về quản lý lao động tại Hàn Quốc còn chưa hiệu quả và việc xử lý các hành vi vi phạm đối với lao động bất hợp pháp còn thiếu tính đồng bộ, chặt chẽ, chưa mang tính răn đe cao nên nhiều cá nhân vẫn cố tình vi phạm.

Trình độ học vấn, độ tuổi, công việc của người lao động không đồng đều, điều này khiến giáo viên gặp khó khăn trong quá trình truyền đạt kiến thức, đặc biệt, là người lao động sinh sống và làm ngư nghiệp ở vùng biển, làm nông nghiệp ở vùng sâu, vùng xa. Một số học viên còn thụ động, chưa tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, không chủ động tìm hiểu, học hỏi các ứng dụng công nghệ hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ. Một bộ phận học viên khi lên lớp thường với tư tưởng đối phó, không chịu khó và không quyết tâm học.

Chương trình, giáo trình giảng dạy chưa được biên soạn bài bản, thống nhất, đồng bộ với chương trình thi; Đội ngũ giáo viên mặc dù có trình độ về lý thuyết nhưng việc nắm bắt những đề thi, những nội dung đổi mới, phát sinh thực tiễn chưa kịp thời; cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy như phần mềm, phòng lab, file âm thanh, video phục vụ công tác giảng dạy còn nhiều hạn chế chưa được đầu tư bài bản nên ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

#### *a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình*

Để thực hiện tốt chương trình cần phải có sự lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt từ Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; giao trách nhiệm cụ thể cho Trung tâm dịch vụ việc làm trực tiếp tham mưu Lãnh đạo Sở phối hợp với Trung tâm lao động ngoài nước và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện chương trình này. Bên cạnh đó, giao cho Trung tâm dịch vụ việc làm chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ (tiếp nhận đăng ký, hướng dẫn thủ tục hồ sơ có liên quan, đào tạo ngoại ngữ khi người lao động có nhu cầu...) bài bản, chuyên nghiệp.

#### *b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các điều kiện, tiêu chuẩn để người lao động biết, chuẩn bị tham gia chương trình*

Thông tin đầy đủ, chính xác trên hệ thống thông tin truyền thông, mạng xã hội về thị trường lao động ở Hàn Quốc, tuyên truyền, phổ biến các chính sách của nhà nước trong việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài nói chung và các điều kiện tuyển chọn, chi phí và các thông tin khác có liên quan khi đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS nói riêng để người lao động động và chính quyền địa phương biết rằng (1) đây là chương trình phi lợi nhuận, chi phí thấp, có

thu nhập tương đối cao và ổn định cần định hướng để người lao động tham gia chương trình này; (2) phải tham gia học tiếng Hàn để có trình độ nhất định vượt qua kỳ thi tiếng Hàn; (3) Chương trình này thực hiện rất công khai, minh bạch, không thể can thiệp tiêu cực trong tuyển chọn; (4) trên địa bàn tỉnh chỉ có Trung tâm dịch vụ việc làm là đơn vị duy nhất được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao nhiệm vụ thực hiện các nghiệp vụ về chương trình này để đồng đảo người lao động nắm rõ thông tin, xác định nguyện vọng, quyết tâm học tiếng Hàn ngay từ khi có nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình này.

#### *c) Nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho lao động*

Phải thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS là nhiệm vụ hàng đầu và cấp thiết nhất trong tất cả các giải pháp nâng cao chất lượng tạo nguồn lao động đi làm việc ở Hàn Quốc.

Chương trình, giáo trình giảng dạy cần được biên soạn bài bản, thống nhất, đồng bộ với chương trình thi; cần phải xây dựng, chuẩn hóa các file âm thanh của phần nghe; xây dựng chương trình đặc thù để áp dụng cho từng đối tượng dự thi phù hợp theo từng ngành nghề tuyển chọn riêng như ngành sản xuất chế tạo, xây dựng, ngư nghiệp, nông nghiệp...

Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, phòng học đạt tiêu chuẩn và có đủ cơ sở thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo, các phòng học đảm bảo thoáng mát, ánh sáng, diện tích, bàn ghế, bảng, máy chiếu, thiết bị tai nghe, micro ... để giảng dạy lý thuyết và thực hành đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả học tập.

Xây dựng hệ thống phần mềm giảng dạy có đầy đủ các bài giảng theo chương trình, giáo trình đã biên soạn, bao gồm cả slide, video, file âm thanh, luyện thi thử theo bộ đề chuẩn... để để nâng cao chất lượng giảng dạy và giúp cho học viên có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức ở lớp cũng như chủ động ôn tập, học tập thêm, tự luyện thi trên phần mềm sau khi đã được cấp tài khoản.

Đầu tư nâng cấp ký túc xá theo tiêu chuẩn hiện đại, đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt cho học viên nội trú và có các dịch vụ đáp ứng nhu cầu học tập, giải trí của học viên.

#### *d) Nâng cao chất lượng phục vụ người lao động*

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức thực hiện chương trình này đảm bảo cả về năng lực và phẩm chất đạo đức để thực hiện chương trình này khách quan, minh bạch, thực sự là địa chỉ tin cậy cho người lao động khi có nhu cầu tham gia chương trình này.

Công tác quản lý, xử lý hồ sơ đảm bảo phải khoa học, cần có mối liên hệ, thông tin thường xuyên, kịp thời giữa cán bộ và người lao động để đảm bảo việc xử lý các vấn đề phát sinh cũng như hướng dẫn người lao động hoàn thiện hồ sơ, xuất cảnh đúng quy trình và tiến độ của chương trình./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp (tại Hội nghị giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm bền vững năm 2024)**

-----

**Kính thưa đồng chí .....**

**Kính thưa các đồng chí lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;**

**Kính thưa các đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương và lãnh đạo các doanh nghiệp.**

**Thưa toàn thể Hội nghị!**

Lời đầu tiên, trong không khí đầu năm mới 2024, thay mặt Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, tôi xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo và toàn thể Hội nghị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

Được sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, đề Hội nghị nắm thêm thông tin, tôi xin báo cáo một số nội dung về tình hình hoạt động và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn khu kinh tế, các khu công nghiệp tỉnh.

**Kính thưa toàn thể Hội nghị!**

Nằm ở duyên hải miền Trung của Việt Nam, tỉnh Thừa Thiên Huế có 06 Khu công nghiệp với diện tích 2.393 ha và 02 Khu kinh tế (Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô diện tích 27.108 ha; Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt diện tích 10.184 ha).

Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 1070/QĐ-TTg ngày 15/6/2016, là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với 02 khu kinh tế và 06 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cơ bản được đầu tư đồng bộ; vị trí địa chính trị chiến lược, thuận lợi của tỉnh và các chính sách ưu đãi đầu tư, các khu công nghiệp và khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trên địa bàn tỉnh thu hút được 178 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký 115.868 tỷ đồng; trong đó, có 50 dự án vốn FDI với vốn đầu tư đăng ký là 74.312 tỷ đồng; trong đó, có 110 dự án đang hoạt động (chiếm tỷ lệ 61,7%), 68 dự án đang triển khai thực hiện. Lũy kế vốn

đầu tư thực hiện của các dự án đến nay đạt khoảng 40.241 tỷ đồng (đạt 34,7% tổng vốn đăng ký đầu tư).

Từ khi đại dịch Covid-19 xảy ra đầu năm 2020 đến nay, đặc biệt là năm 2023, là một năm cực kỳ khó khăn, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức lớn hơn nhiều so với dự báo; xung đột Nga - Ucraina kéo dài, chính sách tiền tệ thắt chặt; cạnh tranh giữa các nước ngày càng gay gắt, thị trường xuất khẩu và đơn hàng sụt giảm; nhiều dự án bất động sản, du lịch bị đình trệ, chậm triển khai; tình hình thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế - xã hội vẫn đang trong quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19, ... đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; một số doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất, cắt giảm lao động, ngừng hoạt động, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, dăm gỗ, men frit, gạch ốp lát, sợi,... Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương; đặc biệt là sự nỗ lực, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, kết quả thu hút đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2023 vẫn đạt được những kết quả tích cực:

- Về thu hút đầu tư, đã thu hút được 11 dự án, điều chỉnh tăng vốn 06 dự án, với tổng vốn cấp mới và tăng tăng thêm hơn 6.000 tỷ đồng, vượt 50% so với kế hoạch.

- Doanh thu đạt 35.000 tỷ đồng, không tăng so với năm 2022, đạt 100% kế hoạch; giá trị xuất khẩu đạt 900 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 12,5% so với năm 2022, chiếm 75% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh; nộp ngân sách đạt 3.900 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2022, chiếm 35,4% thu ngân sách toàn tỉnh; giải quyết việc làm cho khoảng 38.500 lao động.

- Đã mở được tuyến container qua cảng Chân Mây, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cho hãng tàu, chủ hàng có hàng container qua cảng; đây là một tiền đề quan trọng để từng bước hình thành định tuyến container quốc tế tại cảng Chân Mây.

- Năm 2023, mặc dù tình hình kinh tế khó khăn nhưng hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện chế độ lương, thưởng, ăn ca... tốt cho người lao động; tiền lương bình quân của người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp là 7.014.000 đồng/người/tháng, tiền ăn ca bình quân của người lao động là 18.000 đồng/bữa ăn. Đề tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại cho người lao động về làm việc tại Khu kinh tế, Khu công nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ xe đưa đón; đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải mở các tuyến xe buýt phục vụ người lao động.

## **Kính thưa toàn thể Hội nghị!**

Qua theo dõi, nắm bắt thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 tháng đầu năm 2024, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có tín hiệu phục hồi tốt, một số sản phẩm có sản lượng tăng như sản phẩm may mặc, sợi, tôm đông lạnh, một số doanh nghiệp dệt may đã có đơn hàng sản xuất đến quý IV/2024; các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát đã hoạt động sản xuất trở lại. Trong những tháng đầu năm 2024, có 11 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng khoảng 8.660 lao động, trong đó khoảng 6.060 lao động lĩnh vực dệt may, khoảng 2.600 lao động thuộc lĩnh vực cơ khí ô tô, chế biến, sản xuất gang tay,... Ban Quản lý đã thông tin đến các cơ quan liên quan để phối hợp tuyển dụng lao động cho các Doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

Hiện nay, với các khu công nghiệp và khu kinh tế đang hoạt động, diện tích đất công nghiệp còn lại để cho các dự án sản xuất công nghiệp thuê khoảng 1.600ha. Bên cạnh đó, để chuẩn bị sẵn sàng cơ sở hạ tầng đồng bộ, đón đầu các nhà đầu tư lớn, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh, trong đó diện tích quy hoạch các khu công nghiệp mở rộng khoảng 2.640 ha (KCN Phong Điền, Quảng Điền khoảng 1.000 ha, La Sơn khoảng 1.000 ha, Khu công nghiệp thuộc KKT Chân Mây - Lăng Cô khoảng 640ha).

Với các dự án lớn đang triển khai cũng như các dự án đang tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, trong giai đoạn 2025 - 2030, dự kiến khi các dự án lớn hoàn thành đưa vào hoạt động (như: giai đoạn 2 và 3 Nhà máy Kanglongda Huế, giai đoạn 2 và 3 Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế; Nhà máy đá thạch anh nhân tạo tại Phong Điền, các dự án nhà máy thép xanh, điện khí LNG, các bến cảng số 04, 05 và 06,...), nhu cầu lao động cho các dự án lên đến 40.000 - 50.000 lao động. Bên cạnh đó, trong những năm qua, tỉnh cũng đã chỉ đạo Ban Quản lý phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế và kêu gọi đầu tư các khu nhà ở cho công nhân, dịch vụ lưu trú trong khu công nghiệp; các thiết chế hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, siêu thị, chợ, ngân hàng, dịch vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ thiết yếu khác cho người lao động tại các khu công nghiệp và khu kinh tế, đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu thiết yếu cho người lao động và gia đình an tâm sinh sống và làm việc tại các khu công nghiệp.

## **Kính thưa toàn thể Hội nghị**

Để có đủ nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp trong thời gian tới, Ban Quản lý kiến nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu



mỗi chủ trì, phát huy vai trò hỗ trợ, kết nối giữa doanh nghiệp và người lao động; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa “Nhà nước, doanh nghiệp, nhà trường” để tuyển dụng, đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu lao động của các doanh nghiệp mà không phải đào tạo lại.

Kính thưa Hội nghị, trên đây là một số ý kiến tham luận của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh về tình hình doanh nghiệp và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn KKT, KCN. Một lần nữa, Kính chúc các đồng chí lãnh đạo và toàn thể Hội nghị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Xin trân trọng cảm ơn!

# HIỆU QUẢ SÀN GIAO DỊCH VIỆC LÀM CÔNG KHAI, MINH BẠCH, BẢO ĐẢM LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

*Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*



Ông Đặng Hữu Phúc - Giám đốc Sở LĐ-TB&XH tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu khai mạc Ngày hội

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam được đối xử bình đẳng trên sân chơi chung của khu vực và thế giới, vị trí của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, với xuất phát điểm là một nước nông nghiệp, quy mô nền kinh tế nhỏ, quản lý còn nhiều bất cập, số lượng doanh nghiệp còn ít, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, sức cạnh tranh chưa cao nên chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức, nhiều đòi hỏi cấp thiết trong đời sống xã hội. Trong đó, lao động - việc làm luôn là vấn đề bức xúc nhất của xã hội; giải pháp trọng tâm là làm sao cân bằng được cán cân giữa cung - cầu về lao động và việc làm. Đây là vấn đề cấp thiết cần phải có nhiều biện pháp đồng bộ về kinh tế, chính trị và xã hội.

Tỉnh Thừa Thiên Huế có lượng lao động dồi dào, đến thời điểm hiện nay là 615.143 người, hàng năm có gần 1 vạn lao động là sinh viên, học sinh ra trường, bộ đội xuất ngũ, một bộ phận lao động mất việc do sắp xếp lại doanh nghiệp bổ sung vào lực lượng lao động của tỉnh nhà. Số lao động đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023 trên 10.000 hồ sơ; với số tiền chi trả trên 185 tỷ đồng, chi hỗ trợ học nghề trên 4.865 triệu đồng.

Việc hỗ trợ lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm, quay trở lại thị trường lao động còn nhiều vướng mắc, rào cản như lao động thiếu thông tin về tuyển dụng của các doanh nghiệp, không kết nối được đến doanh nghiệp tuyển dụng vị trí làm việc phù hợp với trình độ bản thân...

Một vấn đề đặt ra hiện nay đối với hoạt động Sàn giao dịch việc làm là vẫn chưa phát huy hết tiềm năng vốn có, đồng thời cần phải được khai thác hết hiệu quả hoạt động Sàn giao dịch việc làm một cách triệt để, nghĩa là: “ Số lượng các Doanh nghiệp tuyển lao động và người lao động tham gia Sàn giao dịch việc làm chưa đông và vì sao chủ sử dụng lao động và người lao động lại chưa mặn mà với việc tham

gia các hoạt động tại Sàn giao dịch việc làm mặc dù mọi hoạt động của hai đối tượng này tại Sàn giao dịch việc làm được miễn phí hoàn toàn “.

Để giải quyết được một số khó khăn nhất định trên, Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đã quán triệt và triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương vào thực tiễn: *”Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động. Vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.”.*

### **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

- Công tác đào tạo nghề

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>02 tháng đầu năm 2024</b>
1	Đào tạo nghề và liên kết	Người	825	189
1.1	Lao động thất nghiệp	Người	695	151
1.2	Lao động xã hội	Người	130	38

- Về công tác thông tin thị trường lao động

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2023	02 tháng đầu năm 2024
1	Thu thập thông tin người tìm việc	Lượt người	7.499	467
2	Việc làm trống	Vị trí	61.757	6.198
3	Doanh nghiệp	Lượt DN	1.093	194
4	Hoạt động tư vấn	Lượt người	73.478	4.858

- Về công tác hoạt động Sàn giao dịch việc làm trực tiếp và trực tuyến

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2023	02 tháng đầu năm 2024
1	Phiên giao dịch việc làm	Phiên	27	5
2	Doanh nghiệp tham gia	Lượt DN	432	125
3	Nhu cầu tuyển sinh, tuyển dụng	Vị trí	68.435	20.996

Việc cung cấp thông tin về cung - cầu lao động và các thông tin liên quan đến lao động - việc làm, đào tạo nghề qua các hình thức cung cấp thông tin và qua sự trợ giúp của đội ngũ cán bộ chuyên trách của Trung tâm Dịch vụ việc làm là rất cần thiết và có thể nói là không thể thiếu trong hoạt động thị trường lao động, nhưng cung cấp thông tin một cách công khai, minh bạch, đảm bảo lợi ích hợp pháp của người lao động thì đó mới là yếu tố quan trọng hơn nhiều. Các yếu tố đó đều được Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện nên đã đạt được kết quả khả quan trên.

Nâng cao hiệu quả các sàn giao dịch việc làm, qua đó phát triển thị trường lao động, cung cấp thông tin phục vụ công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội sẽ được Trung tâm tiếp tục coi trọng trong thời gian tới.

Cùng với việc nâng cao hiệu quả các sàn giao dịch việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đã chỉ đạo và xây dựng hệ thống cơ sở

dữ liệu cung - cầu lao động. Nhờ đó, đáp ứng việc tra cứu thông tin của doanh nghiệp, người lao động và các cơ quan chức năng liên quan của địa phương.

## **CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI**

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các sàn giao dịch việc làm, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên phải từng bước được đào tạo bài bản, nâng cao tính chuyên nghiệp, không ngừng trau dồi kỹ năng nghiệp vụ. Đặc biệt, các sàn giao dịch việc làm rất cần được đầu tư mạnh mẽ hơn về trang thiết bị để có thể vận hành phần mềm quản lý điều hành phục vụ công tác phỏng vấn trực tuyến, lưu trữ cơ sở dữ liệu, kết nối tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề và bảo hiểm thất nghiệp...

Tổ chức thu thập thông tin một cách chính xác, trung thực, chi tiết và đầy đủ, đây là nền tảng để cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho người lao động, người sử dụng lao động giúp họ có quyết định đúng đắn khi tham gia thị trường lao động.

Các đơn vị tham gia Sàn giao dịch việc làm trực tuyến và trực tiếp phải cung cấp đầy đủ thông tin tuyển dụng đặc biệt là các chính sách lao động - tiền lương, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động khi làm việc...; các thông tin này phải được niêm yết công khai trên cổng thông tin Sàn giao dịch việc làm, thể hiện tính minh bạch và đảm bảo lợi ích hợp pháp của người lao động.

Các đơn vị tuyển dụng lao động khi tham gia Sàn giao dịch việc làm phải bố trí người làm công tác nhân sự, có thẩm quyền quyết định việc tiếp nhận lao động vào làm việc tại đơn vị mình tránh trường hợp phân công người không có phận sự nhận tham gia tiếp nhận hồ sơ, không có kỹ năng phỏng vấn tuyển chọn lao động ảnh hưởng đến tâm lý người lao động.

Truyền thông kịp thời, lan tỏa rộng rãi và thường xuyên về các chính sách, cơ chế hỗ trợ lao động về việc làm, học nghề của nhà nước... các chính sách, quy trình thủ tục tham gia đi làm việc ngoài nước... càng công khai minh bạch rõ ràng càng tạo điều kiện cho lao động tin tưởng và quyết định đúng đắn khi tham gia thị trường lao động.

Nâng cao tính công khai, minh bạch thông tin về việc làm, đào tạo nghề là chìa khóa để phát triển thị trường lao động của tỉnh nhà./.